

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN – CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 26/05/2020)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ...27...../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22 tháng 3... năm 2021.)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TỪ NGÀY
.../.../2021 TẠI:

1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Trụ sở chính: Số 2 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

Văn phòng: Tầng 12, Tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (84.24) 3852 3063 - 3852 3058

Fax: (84-24) 3852 3926

Website: <https://www.vegetexcovn.com.vn/>

2. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888

Fax: (024) 3818 1688

Website: <https://www.shs.com.vn/>

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ và tên: Lê Anh Dũng

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Số điện thoại: 024.3523063



TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101385740 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 26/05/2020)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: **Cổ phiếu Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông.**

Mệnh giá: **10.000 đồng/cổ phiếu.**

Giá chào bán: **25.000 đồng/cổ phiếu.**

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: **71.300.000 cổ phiếu.**

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: **713.000.000.000 đồng.**

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Địa chỉ: Tầng 1-5 Tòa nhà Unimex Hà Nội số 41 Ngô Quyền - P. Hàng Bài - Q. Hoàn Kiếm - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3818 1888 Fax: (024) 3818 1688

Website: <http://www.shs.com.vn>



Biến cơ hội thành giá trị

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3 7832121 Fax: 024 3 7832122

Website: <http://www.cpavietnam.vn>



TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

CTCP ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VVFC

Địa chỉ: Số 03 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3843 2171 Fax: 024. 3847 2271

Website: <http://www.vvfc.vn>



ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức phát hành	5
2. Tổ chức tư vấn.....	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp	10
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	11
5. Rủi ro pha loãng	12
6. Rủi ro quản trị công ty	13
7. Rủi ro khác	13
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	15
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành.....	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành	16
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành	17
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	24
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	29
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp	29
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	29
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài.....	29
10. Hoạt động kinh doanh	32
11. Chính sách đối với người lao động	47
12. Chính sách cổ tức	49
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.....	49
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	50
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	51
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	51
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....	52
1. Kết quả hoạt động kinh doanh	52
2. Tình hình tài chính	53
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	59

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	60
5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	62
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	63
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	63
2. Thông tin về cổ đông lớn	63
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.....	67
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	79
1. Loại cổ phiếu.....	79
2. Mệnh giá cổ phiếu.....	79
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	79
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	79
5. Giá chào bán dự kiến.....	79
6. Phương pháp tính giá	79
7. Phương thức phân phối	79
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	80
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	80
10. Phương thức thực hiện quyền.....	81
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	82
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	82
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	82
14. Hủy bỏ đợt chào bán	82
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	82
16. Các loại thuế có liên quan	83
17. Thông tin về các cam kết	84
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt	84
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	85
1. Mục đích chào bán:	85
2. Phương án khả thi, thông tin về tình hình triển khai dự án.....	85
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....	102
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN.....	103
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	104
XII. PHỤ LỤC	104



I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN - CÔNG TY CỔ PHẦN

Ông: **Mai Xuân Sơn** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: **Lê Anh Dũng** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà: **Nguyễn Thị Linh** Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI

Bà: **Trần Thị Thu Thanh** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 28/2019/UQ-TGD ngày 25/10/2019 của Tổng Giám đốc)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội tham gia lập trên cơ sở hợp đồng số 38/2020/HĐTVTC/SHS.HS.TV ngày 01/12/2020 với Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái,... Các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần nói riêng.

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới:

Năm 2019, tăng trưởng kinh tế toàn cầu chỉ đạt khoảng 2,9%, mức thấp nhất kể từ năm 2008 khi mà các thị trường bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính. Tăng trưởng đã giảm khoảng 6,3% trong quý IV/2019 so với cùng kỳ năm trước tại Nhật Bản. Tại Đức, sản lượng công nghiệp đã giảm mạnh 3,5% trong tháng 12/2019. Tình hình tại Pháp cũng không khả quan khi chứng kiến tăng trưởng âm trong quý IV/2019 và con số sản lượng công nghiệp giảm tới 2,6%.

Các nền kinh tế lớn khác cũng đang phải đối mặt với những khó khăn riêng. Nước Mỹ, nền kinh tế lớn nhất thế giới, đạt tăng trưởng GDP khoảng 2,1% trong quý IV/2019. Trung Quốc - nền kinh tế lớn thứ hai thế giới, đã chứng kiến tăng trưởng giảm xuống chỉ còn 6% vào quý IV/2019, mức thấp nhất trong vòng 27 năm qua.

Theo tờ Financial Times của nước Anh, với việc nợ đã ở mức cao kỷ lục, dịch viêm đường hô hấp cấp Covid-19 càng làm tăng nguy cơ khủng hoảng tín dụng trong bối cảnh lãi suất ở mức thấp. Cú sốc mà dịch Covid-19 gây ra đối với các thị trường trên toàn thế giới diễn ra đúng lúc tình hình tài chính nguy hiểm do vòng xoáy nợ toàn cầu. Theo Viện Tài chính Quốc tế, tỷ lệ nợ toàn cầu trên GDP trong quý III/2019 đã đạt mức cao nhất mọi thời đại, trên 322%, tương đương gần 253.000 tỷ USD. Nếu dịch bệnh tiếp tục kéo dài, bất kỳ nguy cơ đổ vỡ nào trong hệ thống tài chính đều có khả năng gây ra một cuộc khủng hoảng nợ mới.

Có thể thấy, hậu quả của dịch Covid-19 đối với nền kinh tế toàn cầu sẽ rất lớn khi xét tới sự ảnh hưởng của nền kinh tế thứ 2 thế giới là Trung Quốc. Trong đại dịch SARS hồi năm 2003, Trung Quốc chỉ chiếm khoảng 8,5% GDP toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ lệ này hiện nay đã tăng lên gần 20%. Cụ thể, sản xuất bị lao dốc, sức tiêu thụ nguyên liệu thô cũng giảm sút. Nếu theo đúng dự đoán, GDP của Trung Quốc trong quý I/2020 sẽ bị giảm 2 điểm phần trăm và điều này đồng nghĩa GDP toàn cầu cũng bị giảm khoảng 0,4 điểm phần trăm. Tác động trực tiếp đối với các quốc gia như Pháp, Nga, hiện đang xuất khẩu và chiếm lượng lớn sản xuất hydrocacbon, là rất dễ nhận thấy. Đối với Pháp, tác động còn nghiêm trọng hơn với sự sụt giảm của ngành du lịch và tiêu dùng.

Ngoài ra, hoạt động sản xuất cũng bị ảnh hưởng bởi giá trị gia tăng được sản xuất ở châu Âu đều có liên quan đến Trung Quốc. Khoảng 60-80% được chất trong các sản phẩm của ngành dược được sản xuất tại Trung Quốc và Ấn Độ.

Tương tự, trong ngành xe hơi, rất nhiều bộ phận như bình ắc quy cho các xe điện hay các linh kiện điện tử... cũng được sản xuất ở Trung Quốc. Vì vậy, ngoài những cú sốc trực tiếp thì còn cả những cú sốc gián tiếp. Các chuỗi giá trị cho thấy sự hiện diện của Trung Quốc trong sản xuất toàn cầu chứ không chỉ trong các sản phẩm được sản xuất tại nước này.

Đối với các nước đang bị ảnh hưởng (như Hàn Quốc, Italy và thậm chí cả Mỹ), tác động trực tiếp

của dịch bệnh này cũng như các hiệu ứng hoảng loạn do nó gây ra sẽ tạo hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất. Các quốc gia bị ảnh hưởng bên ngoài Trung Quốc sẽ chứng kiến sản xuất bị sụt giảm trong quý II/2020. Một nghiên cứu của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) chỉ rõ, dịch bệnh có thể khiến kinh tế thế giới bị sụt giảm 0,5 điểm phần trăm trong năm nay.

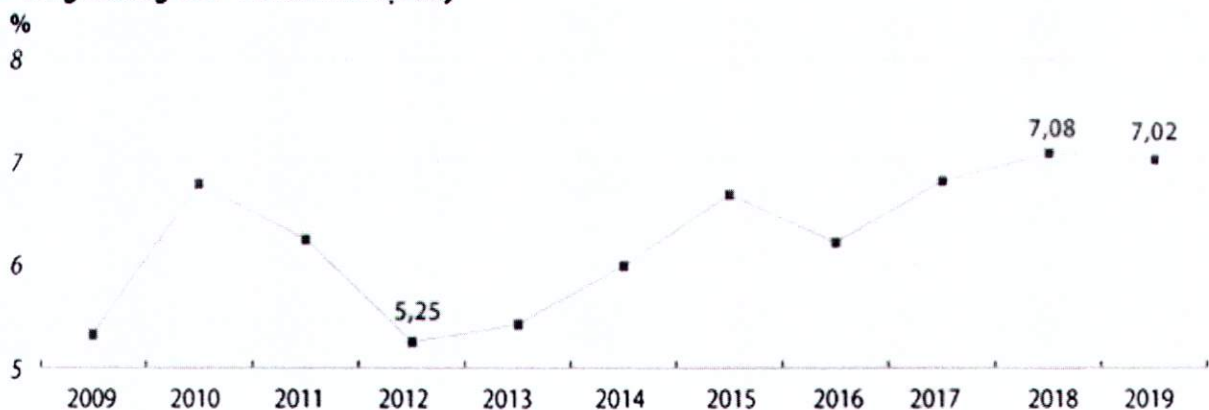
Ngoài ra, dịch bệnh này cũng có thể gây ra những hậu quả tài chính nghiêm trọng. Rất nhiều công ty sẽ đối mặt với vấn đề về dòng tiền do doanh thu sụt giảm. Điều này sẽ gây ra nguy cơ nợ xấu đối với các ngân hàng.

Để hỗ trợ nền kinh tế, các ngân hàng trung ương buộc phải duy trì tỷ lệ lãi suất thấp. Mặc dù vậy, hiệu quả tăng cường sản xuất sẽ không cao. Việc lãi suất của ngân hàng trung ương thấp kéo dài cũng có những hậu quả rộng lớn vì chúng dẫn đến việc phân bổ vốn không chính xác.

Báo cáo mới nhất của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) về sự ổn định tài chính toàn cầu chi tiết điểm này bằng một mô phỏng cho thấy một cuộc suy thoái nghiêm trọng bằng một nửa cuộc khủng hoảng 2009 đã có thể làm cho các công ty đang có nợ đọng khoảng 19.000 tỷ USD không có đủ lợi nhuận để trả nợ.

b) Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam:

▪ Tăng trưởng GDP 10 năm trở lại đây



Tăng trưởng GDP năm 2019 của Việt Nam đạt 7,02% so với năm 2018; trong đó quý I tăng 6,82%, quý II tăng 6,73%, quý III tăng 7,48% và quý IV tăng 6,97%, vượt mục tiêu của Quốc hội đề ra là từ 6,6-6,8%. Mức tăng trưởng năm 2019 tuy thấp hơn mức tăng 7,08% của năm 2018 nhưng cao hơn mức tăng của các năm 2011-2017. Năm 2019, Việt Nam cũng đạt được nhiều thành tựu lớn trong việc ký kết các hiệp định thương mại tự do.

Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước đạt gần 517 tỷ USD, tăng 7,6% so năm 2018; lần đầu vượt ngưỡng 500 tỷ USD và là kết quả lịch sử, với giá trị xuất siêu đạt mức kỷ lục mới đạt 9,94 tỷ USD.

Trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 263,45 tỷ USD, tăng 8,1%. Khu vực kinh tế trong nước năm qua đánh dấu sự phát triển vượt bậc với tốc độ tăng trưởng xuất khẩu lên tới 17,7%, cao hơn rất nhiều tốc độ tăng của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (4,2%).

Theo Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 2 và 2 tháng đầu năm 2020 của Tổng cục Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đã xuất hiện nhiều dấu hiệu có ảnh hưởng tiêu cực đến tốc độ tăng trưởng kinh tế, cũng như ổn định kinh tế vĩ mô; nhiều chỉ số giảm so với cùng kỳ năm trước. Mặc dầu vậy, vẫn thấy còn nhiều điểm sáng rất đáng mừng trong thời gian qua.

Cụ thể, kinh tế vĩ mô tiếp tục được giữ vững, ổn định; giá nhiều nhóm mặt hàng về cơ bản giữ ổn định, hoặc giảm; CPI tháng 02/2020 giảm 0,17% so với tháng trước. Xuất khẩu vẫn tăng trưởng; nhập siêu trong kiểm soát. Xuất khẩu ước đạt 36,9 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ; xuất khẩu của khu vực FDI tăng 0,9% và trong nước tăng 6%. Nông nghiệp vẫn được duy trì ổn định, nhiều lĩnh vực tiếp tục tăng trưởng; dịch bệnh dần được kiểm soát (đàn gia cầm tăng 13,8%, đàn bò tăng 2,4%; diện tích rừng trồng tăng 1,3%; khai thác gỗ tăng 3,6%; sản lượng thủy sản tăng 2,7%).

Mặc dù chịu tác động mạnh của dịch COVID-19 nhưng các ngành công nghiệp vẫn duy trì, ổn định và tiếp tục tăng trưởng khá; Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 2/2020 ước tăng 8,4% so với tháng trước và tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước; IIP 2 tháng 2020 ước tăng 6,2%, trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 7,4%; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 8,4%...

Số lượng doanh nghiệp thành lập mới và số vốn đăng ký tiếp tục đạt mức cao so với cùng kỳ với trên 17.400 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 364.000 tỷ đồng (tăng 9,1% về số doanh nghiệp và tăng 47,1% về số vốn đăng ký). Có gần 12.000 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 17,1%). Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường giảm với trên 28.000 doanh nghiệp.

Tuy nhiên, nhiều chỉ tiêu đều giảm so với cùng kỳ 2019, chủ yếu do ảnh hưởng của dịch COVID-19. Vốn FDI thực hiện giảm 5%; vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh và góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2019. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 8,3% (cùng kỳ tăng 9,3%); vận tải hành khách tăng 3,8% (cùng kỳ tăng 10,2%). Khách quốc tế tăng 4,8%, mức tăng thấp nhất của 2 tháng các năm 2016-2020. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 2 và bình quân 2 tháng đầu năm 2020 so với cùng kỳ năm trước (tăng 5,4% và 5,91%), mức tăng cao nhất trong 7 năm qua.

Một số ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn do diễn biến về giá cả và thời tiết. Khu vực dịch vụ là khu vực bị tác động mạnh nhất bởi dịch bệnh COVID-19; đặc biệt là các nhóm ngành liên quan đến du lịch, vận tải, lưu trú và ăn uống. Lượng khách quốc tế trong tháng 2/2020 chỉ đạt khoảng 1 triệu lượt khách, giảm 49,8% so với tháng trước, giảm 35,8% so với cùng kỳ.

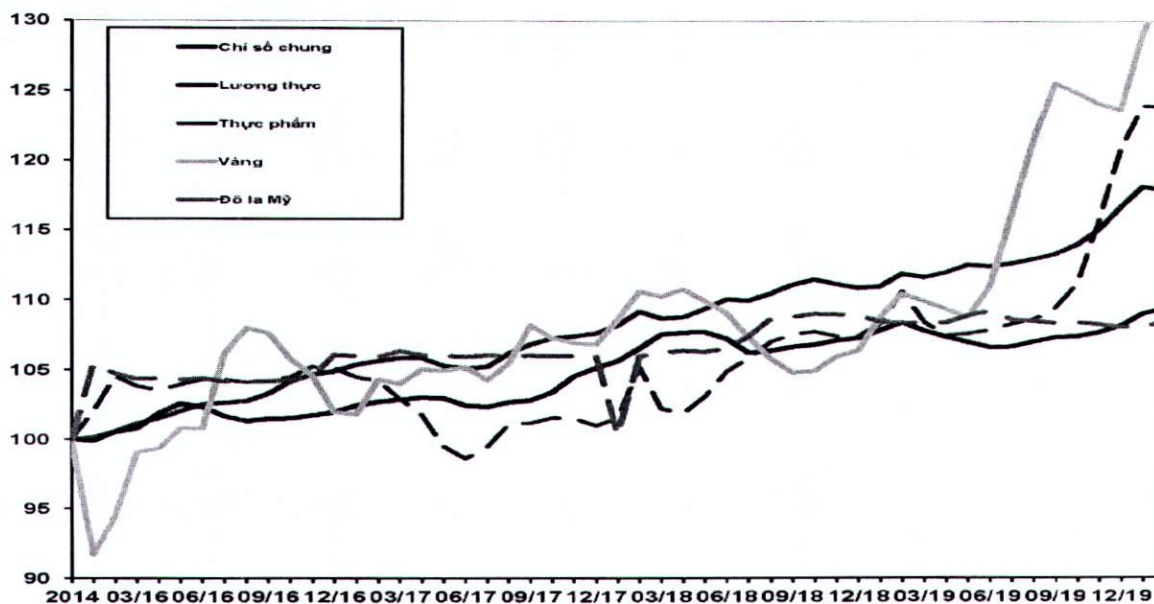
Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần là một doanh nghiệp hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu rau quả, nông sản với sản phẩm thế mạnh là hạt điều. Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty đã, đang và sẽ chịu ảnh hưởng trước những biến động của nền kinh tế. Khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng ổn định, nhu cầu tiêu dùng trong nước, xuất khẩu nước ngoài với các mặt hàng của Công ty tăng, tạo điều kiện mang lại doanh thu, lợi nhuận lớn cho Tổng công ty. Ngược lại, khi nền kinh tế gặp khó khăn, tốc độ tăng trưởng giảm sút sẽ tác động trực tiếp đến kế hoạch kinh doanh của Tổng công ty. Để hạn chế rủi ro về kinh tế, VEGETEXCO luôn chú ý xem xét và dự báo khả năng tăng trưởng của nền kinh tế nói chung sẽ giúp cho việc xây dựng các kế hoạch kinh doanh tốt hơn, đồng thời tiên liệu và chuẩn bị trước các phương án để có thể ứng phó với những tình huống bất lợi có thể xảy ra làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

c) Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát của nền kinh tế. Trong giai đoạn 2008 – 2011, tỉ lệ lạm phát cao đã tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn là một

trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn từ 2011 – 2015; đồng thời, cũng được tái khẳng định trong kế hoạch kinh tế 05 năm giai đoạn 2016 – 2020.

Theo số liệu công bố của Tổng cục Thống kê, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2019 tăng 1,4% so với tháng trước, CPI bình quân năm 2019 tăng 2,79% so với năm 2018 và CPI bình quân quý 4/2019 tăng 3,66% so với cùng kỳ năm trước. Như vậy CPI năm 2019 đã được kiểm soát thành công, đạt mức thấp hơn so với chỉ tiêu Quốc hội đề ra (dưới 4%) và cũng là mức tăng thấp nhất trong 3 năm qua.



Nguồn: Tổng cục thống kê

Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tính CPI tháng 12/2019 so với tháng trước, có 10 nhóm hàng có chỉ số giá tăng, cụ thể: Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 3,42%; Đồ uống và thuốc lá tăng 0,25%; May mặc, mũ nón và giày dép tăng 0,33%; Nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,43%; Thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,14%; Thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,03%; Giao thông tăng 0,61%; Giáo dục tăng 0,01%; Văn hóa, giải trí và du lịch tăng 0,09%; Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,24%, riêng nhóm Bưu chính viễn thông giảm 0,09%. Về lạm phát cơ bản, năm 2019 tăng 2,01% so với năm 2018 và tháng 12/2019 so với tháng 12/2018 tăng 2,78%.

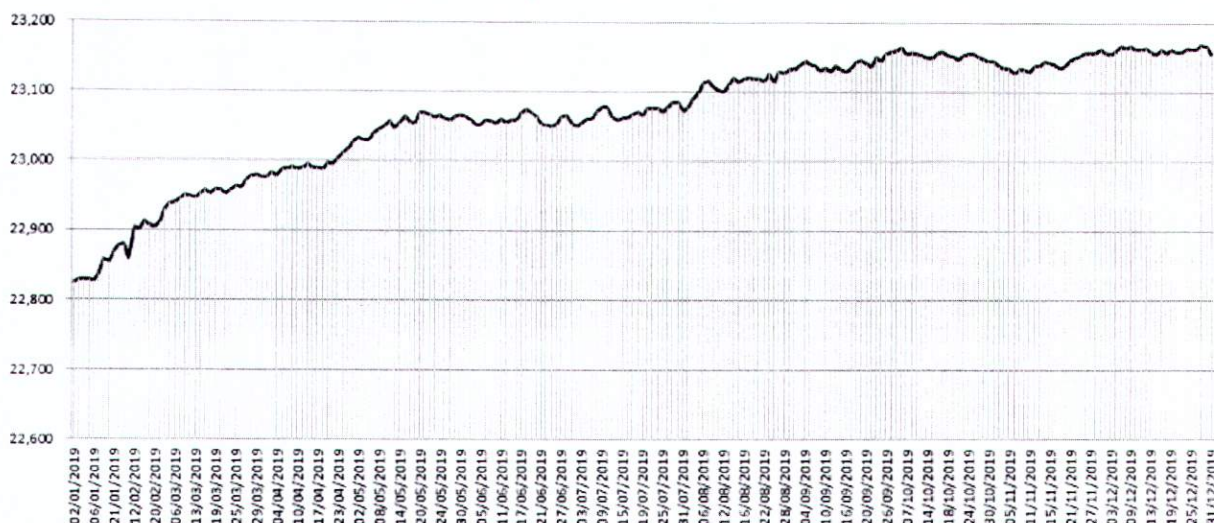
Đối với doanh nghiệp như VEGETEXCO, lạm phát tăng cao sẽ ảnh hưởng đến kết quả SXKD của VEGETEXCO thông qua sự gia tăng của các chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên nhiên liệu, nhân công,... Trường hợp tỷ lệ lạm phát được duy trì ổn định ở mức thấp sẽ tác động tích cực đến hoạt động SXKD của các doanh nghiệp cũng như của VEGETEXCO, giúp Tổng công ty kiểm soát được giá cả chi phí các yếu tố đầu vào, nâng cao được hiệu quả hoạt động kinh doanh.

d) Tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tỷ giá USD/VNĐ năm 2019 tăng đều nhưng vẫn ổn định nhờ chính sách điều hành của NHNN trong bối cảnh chiến tranh thương mại Mỹ - Trung gây áp lực không nhỏ lên tỷ giá. Kết thúc năm 2019, NHNN đã tăng tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VNĐ) và đô la Mỹ (USD) thêm 330 đồng, lên mức 23,155 đồng/USD, tương đương tăng 1.4% so với hồi đầu năm 2019.

Tỷ giá trung tâm USD/VND năm 2019



Nguồn: VietstockFinance

Trong năm 2019, tỷ giá trung tâm USD/VND đã có 3 lần lập đỉnh mới. Lần đầu tiên, khi tỷ giá trung tâm USD/VND vượt qua mốc 22,998 đồng, lên mức 23,004 đồng từ cuối tháng 4. Sau đó, tỷ giá trung tâm biến động nhưng vẫn trong kênh tăng, và đạt mốc mới thứ hai tại 23,115 đồng vào đầu tháng 8. Mốc cuối cùng được lập trong năm 2019 chạm mức 23,169 đồng vào cuối tháng 12, tăng 344 đồng, tương đương tăng 1.5% so với đầu năm 2019. Trong năm qua, tỷ giá chịu ảnh hưởng từ chiến tranh thương mại Mỹ - Trung, gây sức ép phá giá đồng Nhân dân tệ (CNY). Ngoài ra, việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) giảm lãi suất 3 lần trong năm qua và sự điều tiết nguồn cung ngoại hối của NHNN cũng ảnh hưởng lên các đợt tăng mạnh của tỷ giá trong năm. Từ đầu tháng 8, chiến tranh thương mại Mỹ - Trung trở nên căng thẳng khi Tổng thống Mỹ Donald Trump tuyên bố áp mức thuế 10% với 300 tỷ USD hàng hóa Trung Quốc vào ngày 01/08. Đẩy tỷ giá CNY so với USD rơi xuống mức thấp nhất trong hơn một thập kỷ qua, vượt ngưỡng 7 CNY/USD ngày 05/08/2019. Động thái này gây sức ép lên tỷ giá USD/VND bởi đồng CNY là một trong 8 loại tiền tệ trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Việt Nam. Kết quả NHNN đã có động thái điều chỉnh tăng thêm 15 đồng, đưa tỷ giá trung tâm lên mức 23,115 đồng vào ngày 06/08/2019.

VEGETEXCO có các giao dịch mua, bán trong và ngoài nước, có thông qua hoặc sử dụng thanh toán bằng ngoại tệ. Do đó, bất kỳ sự thay đổi tỷ giá nào cũng ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của VEGETEXCO. Trong trường hợp VND bị mất giá so với đồng ngoại tệ, VEGETEXCO sẽ được hưởng lợi từ chênh lệch tỷ giá và ngược lại. Để hạn chế rủi ro về tỷ giá, VEGETEXCO luôn có kế hoạch điều hành hoạt động kinh doanh hợp lý để có thể giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

2. Rủi ro về luật pháp

Hoạt động đầu tư kinh doanh của VEGETEXCO chịu sự điều chỉnh của một số các văn bản luật như: Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Luật Thuế giá trị gia tăng; Luật Đầu tư; Luật đầu tư công; Luật đấu thầu.... Chính sách và pháp luật có tác dụng định hướng phát triển chung cho nền kinh tế cũng như cho các doanh nghiệp. Do đó, mỗi thay đổi về mặt chính sách và pháp luật có thể tạo cơ hội hay rủi ro cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, do có hoạt động xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, Tổng Công ty không chỉ chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật của nhà nước về lĩnh vực hàng hải, hải quan..., mà còn phải tuân thủ các Điều ước, Hiệp định quốc tế liên quan đến hoạt động này như EVFTA, WTO,...

Để hạn chế các rủi ro về mặt luật pháp, VEGETEXCO luôn tiến hành cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của VEGETEXCO, từ đó điều chỉnh các hoạt động quản trị, điều hành và kinh doanh phù hợp hơn.

3. Rủi ro đặc thù

a) Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào:

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là kinh doanh thức ăn chăn nuôi và Kinh doanh điều, hạt giống rau, hoa... Nguồn nguyên liệu chủ yếu là nông sản (ngô, khoai, sắn, hạt...) được Tổng Công ty nhập khẩu trực tiếp từ một số nhà cung cấp nước ngoài. Việc biến động giá nhập nguyên vật liệu có ảnh hưởng nhiều đến hoạt động chính của Tổng Công ty.

Việt Nam là một quốc gia vốn được xem là có thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, tuy nhiên nguyên liệu thức ăn chăn nuôi là nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu lớn nhất trong các mặt hàng nông nghiệp. Trong khi đó, thức ăn chăn nuôi (TACN) lại chiếm hơn 70% chi phí sản xuất của ngành chăn nuôi, nên khi giá nguyên liệu chế biến vừa tăng, giá TACN lập tức sẽ tăng theo. Điều này dẫn đến giá TACN trong nước luôn cao hơn mặt bằng chung của thế giới và sản phẩm chăn nuôi nội địa cũng khó cạnh tranh về giá so với hàng nhập.

Việc nhập khẩu các nguyên liệu từ nước ngoài (nguyên liệu chế biến, điều thô, ...) tiềm ẩn những rủi ro về giá nguyên liệu cũng như chất lượng của nguyên liệu đầu vào. Những rủi ro này khó được kiểm soát hoàn toàn mà chỉ có thể giảm thiểu rủi ro thông qua hình thức kí hợp đồng nhập nguyên liệu với các nhà sản xuất uy tín trong và ngoài nước.

b) Rủi ro về lượng hàng tồn đọng tại kho

Có nhiều nguyên nhân dẫn tới việc khách hàng từ chối nhận hàng như: hàng hóa không đảm bảo chất lượng, hạt giống cây bị mọc mầm, độ ẩm không ổn định... hoặc do những sai sót nhỏ trong vấn đề về giấy tờ, hồ sơ. Trong trường hợp này, Tổng Công ty sẽ cần những phương án để giải quyết các sản phẩm này.

c) Rủi ro cạnh tranh:

Mặc dù là đơn vị có nhiều năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nông sản, VEGETEXCO vẫn chịu rất nhiều áp lực cạnh tranh đến từ những đơn vị cùng ngành có thế mạnh về tài chính, công nghệ. Năng lực tài chính hiện nay của Tổng Công ty chưa đủ để đáp ứng cho các kế hoạch kinh doanh, đẩy mạnh phát triển công nghệ chế biến sản phẩm và nâng cao tiềm lực để cạnh tranh được với các công ty cùng ngành.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán này không được bảo lãnh nên có thể xảy ra khả năng không chào bán hết do các cổ đông không thực hiện quyền mua dẫn đến Tổng Công ty không thu được số tiền đúng như dự kiến để bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 1.782,5 tỷ đồng (trường hợp phân phối hết toàn bộ số cổ phiếu chào bán) sẽ được sử dụng cho mục đích Bổ sung vốn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch; Bổ sung



vốn cho Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh nông sản, các loại hạt... Trong trường hợp này, lượng cổ phần chưa phân phối hết sẽ được xử lý theo hướng:

- ✓ Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.
- ✓ Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

Tuy nhiên, phương án phát hành đã được các cổ đông tại ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 thông qua nên việc các cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu là cao, đảm bảo khả năng thành công của đợt phát hành này.

5. Rủi ro pha loãng

Tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành trong năm 2021 là 71.300.000 cổ phần chiếm 100% số cổ phiếu đang lưu hành của Tổng Công ty, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

❖ Rủi ro pha loãng thu nhập trên mỗi cổ phiếu

Trên góc độ sổ sách kế toán, thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) bằng (=) Lợi nhuận sau thuế chia cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân. Như vậy, đợt phát hành cổ phiếu lần này sẽ làm cho số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Tổng công ty tăng lên, ảnh hưởng đến thu nhập trên mỗi cổ phiếu của công ty. Chỉ số này sẽ giảm xuống nếu tốc độ tăng lợi nhuận thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phiếu. Vì vậy, nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về vấn đề này.

❖ Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong đợt này là 71.300.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1 : 1. Sau khi lượng cổ phiếu này chào bán, giá cổ phiếu của Tổng công ty sẽ bị pha loãng với mức độ nhất định. Sự điều chỉnh kỹ thuật nhất định về giá cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá cổ phiếu sau ngày chốt danh sách} = \frac{(\text{Giá cổ phiếu đang giao dịch trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền} \times \text{Khối lượng cổ phiếu được nhận quyền mua}) + (\text{Giá chào bán cho cổ đông hiện hữu} \times \text{Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm})}{\text{Tổng khối lượng cổ phiếu sau khi phát hành}}$$

Ví dụ: Giả sử giá cổ phiếu trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền là 30.000 đồng/cổ phiếu, giá phát hành cho cổ đông hiện hữu là 25.000 đồng/cổ phần, khi đó:

$$\text{Giá cổ phiếu sau ngày chốt danh sách} = \frac{(30.000 \times 71.300.000) + (25.000 \times 71.300.000)}{142.600.000} = 27.500 \text{ đồng/CP}$$

Lưu ý: Cổ phiếu của Tổng công ty chưa được giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung, do đó, giá thị trường trong ví dụ trên chỉ nhằm mục đích minh họa cụ thể cho nhà đầu tư thấy rõ về sự pha loãng giá cổ phiếu sau khi phát hành mà không phản ánh đúng giá trị thị trường của cổ phiếu Tổng công ty vào thời điểm chốt danh sách cổ đông để chào bán.

Rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như Tổng công ty sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động được, duy trì tốt hoạt động và tăng cường, phát huy thế mạnh của mình để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tăng trưởng tốt sau đợt chào bán.

6. Rủi ro quản trị công ty

Tổng công ty được thành lập và chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 4/1/2016 và đã đăng ký công ty đại chúng năm 2017. Cơ cấu điều hành và quản trị của Tổng công ty được thiết lập và tuân thủ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công bố thông tin trong lĩnh vực chứng khoán, hệ thống quản trị của Tổng công ty còn được kiểm soát chặt chẽ bởi đội ngũ Ban kiểm soát uy tín và chuyên nghiệp do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Do đó, các hoạt động điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc luôn minh bạch và được giám sát một cách cẩn trọng. Ngoài ra, với kinh nghiệm lâu năm trong ngành, giúp đội ngũ quản trị của Tổng công ty có đủ khả năng nhận biết, đánh giá và khắc phục các yếu tố rủi ro để đảm bảo việc quản trị doanh nghiệp được thực hiện một cách ổn định và có hiệu quả.

7. Rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Tổng công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.




III. CÁC KHÁI NIỆM

VEGETEXCO	:	Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần
CTCP	:	Công ty Cổ phần
BCTC	:	Báo cáo tài chính
BKS	:	Ban Kiểm soát
CBCNV	:	Cán bộ công nhân viên
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
Giấy CNĐKKD	:	Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	:	Hội đồng quản trị
SHS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
Tổ chức tư vấn	:	Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
VCSH	:	Vốn chủ sở hữu
UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
NHNN	:	Ngân hàng Nhà nước
TACN	:	Thức ăn chăn nuôi

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty: Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần
- Tên tiếng Anh: Vietnam National Vegetable, Fruit and Agricultural Product Corporation - Joint Stock Company
- Tên viết tắt: VEGETEXCO VIETNAM JSC
- Vốn điều lệ: 713.000.000.000 đồng (Bảy trăm mười ba tỷ đồng)
- Trụ sở chính: Số 2 Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội
- Văn phòng: Tầng 12, Tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84.24) 3852 3063 - 3852 3058 Fax: (84-24) 3852 3926
- Website: vegetexcovn.com.vn
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101385740 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 26/05/2020
- Logo: 
- Người đại diện theo pháp luật: ông Lê Anh Dũng – Tổng Giám đốc
- Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty:
 - Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi
 - Kinh doanh hạt giống rau các loại
 - Kinh doanh hạt điều
 - Kinh doanh bất động sản

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần có tiền thân là Tổng Công ty Rau quả Việt Nam thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn được thành lập theo Quyết định số 63NNTCCB/QĐ ngày 11/2/1988 với vai trò là đầu mối tổ chức nghiên cứu, tham gia xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống sản xuất và cung cấp giống rau quả trên phạm vi toàn quốc, xây dựng các vùng chuyên canh, thâm canh rau quả có năng suất và chất lượng cao.

Năm 2003, Tổng công ty Rau quả, nông sản (Vegetexco Vietnam) được thành lập theo Quyết định số 66/2003/QĐ/BNN-TCCB do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ký và ban hành ngày 11/6/2003 thông qua sáp nhập Tổng Công ty rau quả Việt Nam và Tổng công ty Xuất nhập khẩu Nông sản và thực phẩm chế biến (Vinafimex).

Tháng 09/2005, Tổng công ty Rau quả, nông sản chuyển đổi mô hình hoạt động thành Công ty mẹ - công ty con theo Quyết định số 2352/QĐ-BNN-ĐMDN của Bộ NN và PTNT. Đây được coi là bước ngoặt quan trọng đánh dấu sự trưởng thành và lớn mạnh của Tổng Công ty. Với trên 500 nhân viên, 3 công ty phụ thuộc, 26 công ty liên kết, 05 công ty liên doanh, 02 chi nhánh văn phòng đại

diện nước ngoài, Vegetexco Vietnam đã giữ vững vai trò nòng cốt, đi đầu trong việc đẩy mạnh sản xuất, chế biến, xuất khẩu rau quả, nông sản và nhập khẩu vật tư, máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp trong nước.

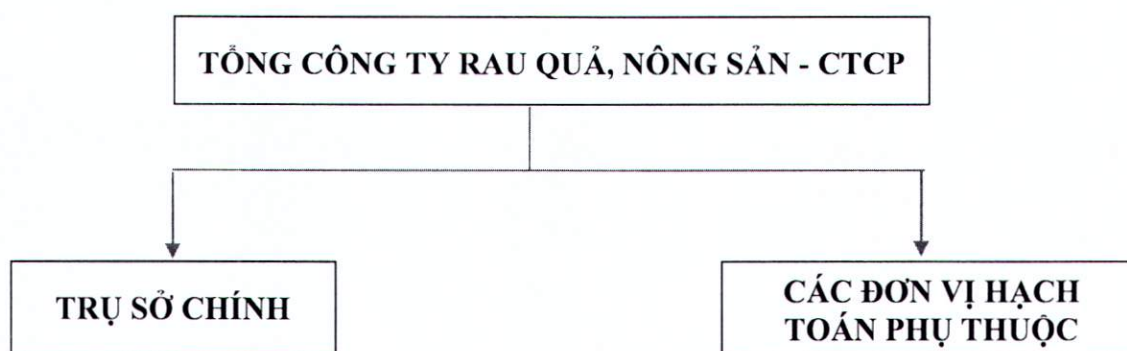
Ngày 10/06/2010, Bộ NN&PTNT ban hành Quyết định số 1563/QĐ-BNN-ĐMDN chuyển Công ty mẹ - Tổng Công ty rau quả, Nông sản thành Công ty TNHH Một thành viên. Sự chuyển đổi quan trọng này đã thúc đẩy Vegetexco Vietnam phát huy hơn nữa vai trò chủ đạo trong ngành hàng rau quả, nông sản thực phẩm chế biến, mở rộng đầu tư, góp vốn với mục tiêu xây dựng, phát triển Tổng công ty thành tập đoàn kinh doanh đa ngành nghề.

Năm 2015, thực hiện đề án tái cơ cấu và cổ phần hóa các Tổng công ty Nhà nước, Vegetexco Vietnam đã thực hiện các bước để cổ phần hóa Tổng Công ty và hoàn tất quá trình cổ phần hóa, chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần kể từ ngày 01/1/2016. Với các cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (T&T Group JSC.) và Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội (BSH) cùng một số cổ đông có uy tín khác trong nước, Vegetexco Vietnam có nhiều điều kiện thuận lợi để trở thành doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực sản xuất, cung cấp sản phẩm và dịch vụ rau hoa quả, nông sản an toàn, chất lượng cao, phát triển bền vững; thể hiện được vai trò của doanh nghiệp lớn trong định hướng phát triển hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh rau quả, nông sản, phát triển dịch vụ giống cây trồng, hoa tươi, các lĩnh vực phụ trợ khác như kinh doanh kho bãi và dịch vụ.

Ngày 05/08/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Công văn số 5102/UBCK-GSDC về việc chấp thuận hồ sơ đăng ký đại chúng cho Tổng công ty.

Tháng 12 năm 2020, Tổng công ty đã nộp hồ sơ đăng ký Giao dịch chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức phát hành



Mô hình tổ chức VEGETEXCO bao gồm Trụ sở chính Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc.

❖ Trụ sở chính Tổng công ty Rau quả, nông sản - CTCP:

Địa chỉ trụ sở chính: Số 2 Phạm Ngọc Thạch, Quận Đống Đa, Hà Nội

Văn phòng: Tầng 12, Tòa nhà Vinafor, số 127 Lò Đúc, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: 024 3852 3063

Fax: 024 3852 3926

Trụ sở chính của Tổng công ty là nơi đặt văn phòng làm việc của Ban Tổng Giám đốc và các



Phòng/Ban nghiệp vụ.

❖ **Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:**

• **Công ty Giống rau quả Trung Ương**

Địa chỉ: Số 2 Phạm Ngọc Thạch, Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024 3852 3063

Fax: 024 3852 3926

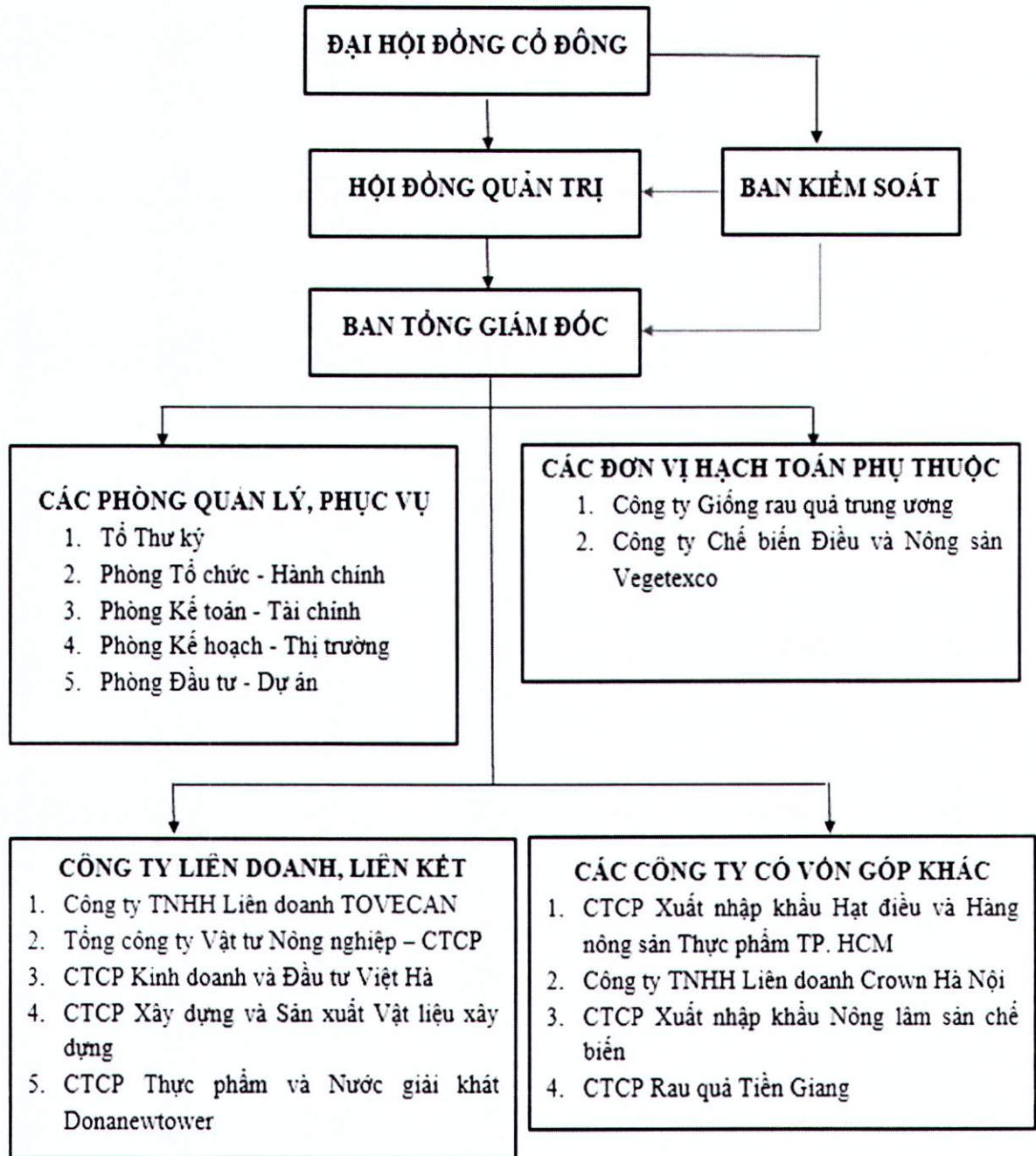
• **Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco**

Địa chỉ: Quốc lộ 13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước

Điện thoại: 06513.667550

Fax: 06513.667549

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành



a) Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần. ĐHĐCĐ họp thường niên hoặc bất thường, tổ chức ít nhất mỗi năm một lần, quyết định chiến lược phát triển của Tổng Công ty Công ty, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, thông qua nghị quyết các vấn đề như bổ sung và sửa đổi Điều lệ, loại cổ phần và số lượng cổ phần phát hành, mức cổ tức chi trả cho cổ đông hàng năm, thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát,... Đại hội đồng cổ đông có quyền bầu, bãi nhiệm thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b) Hội đồng quản trị (HĐQT)

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Tổng Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm

quyền ĐHĐCĐ. HĐQT giữ vai trò định hướng chiến lược kế hoạch hoạt động hàng năm, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Công ty thông qua Ban Điều hành.

c) Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao.

d) Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty gồm: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Phó Tổng Giám đốc là người giúp và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc nhiệm vụ được phân công; thực hiện các công việc thay Tổng giám đốc khi được ủy quyền. Tham gia và tổ chức chỉ đạo xây dựng các qui hoạch, kế hoạch, phương án sản xuất, kinh doanh; theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các hoạt động đó. Quyết định các công việc theo ủy quyền của Tổng Giám đốc và trong phạm vi quyền hạn.

e) Các phòng ban chức năng

- Chức năng và nhiệm vụ của Tổ Thư ký:

- Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; tham dự các cuộc họp quy định tại Khoản 1 Điều này; Ghi chép các biên bản họp; đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
- Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Công ty và Pháp luật.
- Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Chức năng, nhiệm vụ Phòng Kế toán Tài chính:

- Chức năng:

- Thực hiện những công việc về nghiệp vụ chuyên môn tài chính kế toán theo đúng qui định của Nhà nước về chuẩn mực kế toán, nguyên tắc kế toán
 - Theo dõi, phản ánh sự vận động vốn kinh doanh của Công ty dưới mọi hình thái và cố vấn cho Ban lãnh đạo các vấn đề liên quan.
 - Tham mưu cho Ban Tổng Giám đốc (BTGD) về chế độ kế toán và những thay đổi của chế độ qua từng thời kỳ trong hoạt động kinh doanh.
 - Cùng với các bộ phận khác tạo nên mạng lưới thông tin quản lý năng động, hữu hiệu.
 - Tham gia xây dựng Hệ thống Quản lý Chất lượng, Hệ thống Quản lý Môi trường và các hệ thống quản lý khác.
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về công tác Tài chính Kế toán.
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong công tác quản lý, sử dụng vốn (tài sản, nguyên vật liệu, nguồn vốn, chi phí sản xuất kinh doanh).
 - Phân tích, đánh giá tài chính của các dự án, công trình trước khi trình lãnh đạo Công ty quyết định.
 - Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về nguồn vốn và giá dự toán làm cơ sở ký kết các hợp đồng với đối tác.
 - Thu thập và xử lý thông tin có liên quan đến nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong Công ty.
 - Đảm bảo nguồn vốn cho các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - Thu hồi vốn nhanh chóng tránh tình trạng bị chủ đầu tư, khách hàng chiếm dụng vốn.
 - Quản lý, theo dõi nguồn vốn của Công ty trong các liên doanh, công trình.
 - Giữ bí mật về số liệu kế toán - tài chính và bí mật kinh doanh của công ty
 - Tham mưu cho Tổng Giám đốc trong quá trình đề xuất các chế độ thi đua khen thưởng, kỷ luật và nâng bậc lương đối với cán bộ, nhân viên của Công ty.
 - Thực hiện một số chức năng khác khi được Tổng Giám đốc giao.
- **Nhiệm vụ:**
- ❖ *Công tác Tài chính*
 - Quản lý hoạt động tài chính trong toàn Công ty.
 - Lập kế hoạch tài chính theo tháng, quý, năm đồng thời định kỳ báo cáo hoặc báo cáo theo yêu cầu của Tổng Giám đốc về tình hình tài chính của Công ty.
 - Phân tích tài chính, đánh giá về mặt tài chính tất cả các dự án mà Công ty thực hiện.
 - Theo dõi việc thực hiện kế hoạch tài chính đã được duyệt. Báo cáo Tổng Giám đốc tình hình sử dụng vốn và đề xuất biện pháp điều chỉnh hợp lý.
 - Thường xuyên thu thập, phân loại, xử lý các thông tin về tài chính trong sản xuất kinh doanh, báo cáo kịp thời cho lãnh đạo Công ty tình hình tài chính của Công ty.

- Cung cấp đủ, kịp thời nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Quan hệ với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng... trong hoạt động vay vốn trung hạn, dài hạn, ngắn hạn và lưu chuyển tiền tệ.
- Đánh giá hoạt động tài chính của Công ty, đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính.
- Lập và đánh giá báo cáo tài chính theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty.
- Lập và báo cáo nguồn vốn huy động cho các hoạt động đầu tư ngắn hạn cũng như dài hạn.
- ❖ *Công tác Kế toán*
 - Ghi chép và hạch toán đúng, đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty, phù hợp với quy định của Nhà nước và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.
 - Kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của tất cả các loại chứng từ, hoàn chỉnh thủ tục kế toán trước khi trình Tổng Giám đốc phê duyệt.
 - Phổ biến, hướng dẫn các Phòng chuyên môn thực hiện thủ tục tạm ứng, hoàn ứng và các thủ tục tài chính khác theo Quy chế quản lý tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ của Công ty.
 - Định kỳ đánh giá tình hình sử dụng tài sản của Công ty theo Quy chế của Công ty.
 - Phối hợp với các Phòng Ban chức năng khác để lập giá mua, giá bán vật tư hàng hoá trước khi trình Tổng Giám đốc duyệt.
 - Thực hiện thủ tục mua sắm thiết bị, sửa chữa tài sản theo đúng quy định của Nhà Nước và Công ty.
 - Thực hiện việc kiểm kê định kỳ, xác định tài sản thừa, thiếu khi kết thúc thi công công trình đồng thời đề xuất với Tổng Giám đốc biện pháp xử lý.
 - Phân tích các thông tin kế toán theo yêu cầu của Lãnh đạo Công ty
 - Quản lý tài sản cố định, Công cụ dụng cụ, hạch toán theo chế độ hiện hành.
 - Theo dõi nguồn vốn của công ty, quyết toán các công trình để xác lập nguồn vốn.
 - Tiến hành các thủ tục, thanh quyết toán các loại thuế với cơ quan thuế.
 - Phối hợp với các Phòng ban liên quan tổ chức nghiệm thu từng phần và nghiệm thu toàn bộ công trình để quyết toán với đầu tư.
 - Theo dõi, lập kế hoạch và thu hồi công nợ của khách hàng đầy đủ, nhanh chóng bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.
 - Lập và nộp các báo cáo tài chính đúng và kịp thời cho các cơ quan thẩm quyền theo đúng chế độ quy định của Nhà nước.
 - Tổ chức khoa học công tác kế toán phù hợp với điều kiện tổ chức sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của Công ty.
 - Chấp hành quyết định của Ban kiểm soát về việc kiểm tra hoạt động kế toán tài chính.

- áp dụng khoa học quản lý tiên tiến vào công tác kế toán, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ kế toán, đề xuất các biện pháp hữu hiệu nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn của Công ty.

- **Chức năng, nhiệm vụ Phòng Tổ chức Hành chính :**

o Chức năng:

❖ *Chức năng tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Tổng công ty trong lĩnh vực quản lý hành chính, quản trị, văn phòng với các nhiệm vụ chủ yếu sau:*

- Tổ chức thực hiện công tác quản lý hành chính, văn thư, lưu trữ, bảo mật.
- Tổ chức thực hiện các chế độ quản lý tài sản của cơ quan văn phòng, mua sắm, sửa chữa trang thiết bị và phương tiện làm việc, sửa chữa nhỏ nhà cửa vật kiến trúc.
- Tổ chức thực hiện công tác bảo vệ tài sản cơ quan, phòng cháy chữa cháy, dân quân tự vệ. Phối hợp với các đơn vị nghiên cứu, xây dựng các chương trình, kế hoạch, quy định An toàn lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ...và theo dõi, giám sát thực hiện;
- Quản lý và điều hành xe ô tô phục vụ cho hoạt động của Tổng công ty.
- Kiểm tra đôn đốc các nội quy quy chế của Cơ quan.
- Công tác lễ tân, phục vụ Hội nghị, họp của Văn phòng Tổng công ty, công tác vệ sinh.
- ❖ *Chức năng tham mưu giúp việc cho Lãnh đạo Tổng công ty trong lĩnh vực tổ chức, nhân sự, lao động, tiền lương, chính sách, chế độ ... với các nhiệm vụ chủ yếu sau:*
- Xây dựng đề án hoàn thiện tổ chức Tổng công ty; đề án thành lập, tách, nhập, giải thể các đơn vị thành viên tổng công ty.
- Xây dựng phương án tổ chức bộ máy quản lý và kinh doanh của Tổng công ty (Tổng biên chế, thành lập, tách, nhập các phòng ban của cơ quan Tổng công ty)
- Tổ chức thẩm định và trình Tổng giám đốc phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các đơn vị trực thuộc các đơn vị thành viên do giám đốc các đơn vị thành viên trình. Làm các thủ tục triển khai khi Tổng giám đốc quyết định.
- Tổ chức thẩm định điều lệ tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên do Giám đốc đơn vị thành viên trình.
- Tham gia xây dựng và giám sát triển khai hệ thống quản trị, đánh giá thực hiện công việc tại các đơn vị đúng quy định .
- Xây dựng các quy chế về tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương của tổng công ty.
- Xây dựng và thực hiện kế hoạch tuyển dụng
- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch cán bộ. Lập và thực hiện các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ thuộc cơ quan Tổng công ty, cán bộ dự bị kế cận chức danh lãnh đạo các đơn vị thành viên thuộc diện tổng công ty .
- Đề xuất và làm các thủ tục theo quy trình đối với việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật cán bộ theo phân cấp trong điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.
- Đề xuất hình thức trả lương phù hợp với Tổng công ty. Hướng dẫn, tổng hợp đơn giá trình Hội đồng lương Tổng công ty xét, trình Tổng giám đốc hoặc cấp có thẩm quyền

quyết định nâng lương của Tổng công ty. Tính lương hàng tháng của cơ quan Tổng công ty.

- Giải quyết chế độ chính sách:
- Thực hiện và hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện các chế độ, chính sách của nhà nước đối với người lao động.
- Giải quyết thủ tục nghỉ chế độ BHXH, BHYT (hưu trí, mất sức, thôi việc ...) đối với cán bộ công nhân viên cơ quan tổng công ty chức danh các đơn vị thuộc diện Tổng công ty quản lý.
- Làm các thủ tục tuyển dụng, ký hợp đồng và theo dõi việc thực hiện hợp đồng lao động đối với cán bộ công nhân viên cơ quan Tổng công ty.
- Thừa lệnh Tổng giám đốc để kiểm tra các đơn vị thành viên trong việc thực hiện công tác tổ chức cán bộ, lao động, tiền lương.
- Thống kê tình hình tổ chức cán bộ và lao động của toàn tổng công ty. Quản lý, lưu trữ hồ sơ về tổ chức Tổng công ty, cán bộ công nhân viên cơ quan Tổng công ty và cán bộ chức danh của đơn vị thành viên thuộc diện Tổng công ty quản lý.
- Quản lý, theo dõi đoàn ra, đoàn vào (thăm quan, học tập, hội thảo, hội chợ triển lãm, khảo sát thị trường, ký kết hợp đồng...)
- Tổ chức công tác thanh tra trong toàn tổng công ty.
- Lập các báo cáo về tổ chức, cán bộ, lao động, tiền lương, thanh tra theo yêu cầu của cấp có thẩm quyền.

- **Chức năng nhiệm vụ phòng Kế hoạch Thị trường:**

- Kế hoạch và Quản trị kế hoạch
 - Tổng hợp, thống kê, báo cáo số liệu tình hình hoạt động SXKD chung toàn Tổng Công ty. Tổng hợp, hợp nhất các báo cáo, kế hoạch SXKD của các đơn vị thành viên thành báo cáo, kế hoạch chung của Tổng công ty.
 - Đôn đốc, kiểm tra đánh giá, hiệu quả, tiến độ thực hiện kế hoạch SXKD của các phòng ban chức năng của Tổng công ty và của các đơn vị thành viên. Điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết.
 - Phối kết hợp với các đơn vị sản xuất, phòng ban, bộ phận kinh doanh đảm bảo việc đáp ứng nguồn hàng theo kế hoạch cho bộ phận kinh doanh.
 - Quản lý thông tin dữ liệu kinh doanh và bảo mật thông tin theo yêu cầu công việc.
- Marketing
 - Nghiên cứu, phân tích và đánh giá thị trường, đề xuất các phương án, giải pháp kinh doanh hiệu quả, phù hợp với xu hướng, đặc thù, hiện trạng thực tế của từng đơn vị trực thuộc.
 - Xây dựng và quảng bá thương hiệu, sản phẩm, xây dựng chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của Tổng công ty
 - Tham mưu, tư vấn chính sách giá, chính sách khách hàng, nhà cung ứng, chính sách bán hàng.
- Kinh doanh XNK nông sản
 - Trực tiếp kinh doanh xuất khẩu và nhận ủy thác xuất khẩu, kinh doanh nội địa các mặt

hàng nông-lâm-thủy sản, thủ công mỹ nghệ, thực phẩm chế biến,... và các mặt hàng do Tổng công ty sản xuất hoặc liên doanh liên kết tạo ra.

- Trực tiếp nhập khẩu và nhận ủy thác nhập khẩu các mặt hàng vật tư, máy móc thiết bị công nghệ, nguyên liệu sản xuất, hàng tiêu dùng, thực phẩm chế biến,...
- Kinh doanh nội địa các sản phẩm điều chế biến, phụ phẩm điều, sản phẩm rau quả,...
- Tìm kiếm nguồn hàng cho xuất khẩu và tiêu thụ nội địa. Đề xuất tham mưu tư vấn cho Lãnh đạo Tổng công ty trong việc liên kết hợp tác đầu tư để sản xuất hàng xuất khẩu và hàng tiêu thụ nội địa
- Tham mưu và đề xuất các qui trình, qui chế, chính sách liên quan đến hoạt động kinh doanh trên cơ sở các qui định của Tổng công ty.

○ Chức năng khác:

- Hỗ trợ thủ tục xuất nhập khẩu, khai báo FDA, khai C/O và hải quan điện tử .
- Quản lý mã số mã vạch, công bố tiêu chuẩn chất lượng và các văn bằng sở hữu công nghiệp.
- Xây dựng, quản lý nội dung và chịu trách nhiệm đăng tải thông tin lên trang web của Tổng công ty; quản lý việc duy trì trang web, tên miền và hệ thống email nội bộ của Tổng công ty.
- Thực hiện các công việc khác theo chỉ đạo của Lãnh đạo Tổng công ty.

- **Chức năng nhiệm vụ phòng Đầu tư Dự án:**

- Tổ chức thực hiện công tác hoàn thiện hồ sơ pháp lý các cơ sở nhà đất mà Tổng công ty quản lý sử dụng
- Nghiên cứu đề xuất phương án phát triển các dự án tại các cơ sở nhà đất mà Tổng công ty quản lý sử dụng.
- Tổ chức thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư mà Tổng công ty được giao làm Chủ đầu tư.
- Đề xuất, lập kế hoạch, trình thẩm định phê duyệt, tổ chức thực hiện xây dựng nhỏ, sửa chữa lớn và vừa, bảo trì công trình.
- Phối hợp các ban chuyên môn Tập đoàn tổ chức, triển khai thực hiện các Dự án Đầu tư xây dựng mà Tổng công ty làm Chủ đầu tư (không bao gồm công tác quản lý thi công đối với các dự án đã thành lập Ban Quản lý Dự án trực thuộc Tổng công ty).
- Phối hợp với phòng Tài chính – Kế toán trong việc kiểm tra, kiểm soát giá cả, chế độ thanh quyết toán các hợp đồng xây lắp.
- Quản lý Dự án tại số 2 Phạm Ngọc Thạch và 58 Lý Thái Tổ.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

a) Công ty mẹ của VEGETEXCO:

Công ty CP Tập đoàn T&T

Năm thành lập: 1993

Giấy ĐKKD số 0100233223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 19 ngày 05/09/2018

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ: 15.000.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Quang Hiền – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Mai Xuân Sơn – Chủ tịch HĐQT VEGETEXCO

b) Công ty con của VEGETEXCO:

Không có

c) Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với VEGETEXCO:

Không có

d) Công ty VEGETEXCO nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối:

Không có

e) Công ty liên doanh, liên kết:

❖ Công ty hợp tác TOVECAN

Địa chỉ	Lô A60/I-A61/II đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Bình Hưng Hòa B, Q.Bình Tân, TPHCM
Ngày thành lập	05/01/2009
Số CNĐKDN	0300784080
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất vỏ hộp sắt (không in)
Vốn điều lệ	97.800.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	22,64%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	22.141.920.000 đồng

❖ Tổng Công ty Vật tư Nông nghiệp – CTCP:

Địa chỉ	164 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Ngày thành lập	29/06/2010
Số CNĐKDN	0100104468
Hoạt động kinh doanh chính	Kinh doanh vật tư nông nghiệp
Vốn điều lệ	220.000.000.000 đồng



Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	45,0%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	99.000.000.000 đồng

❖ Công ty cổ phần Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà:

Địa chỉ	Số 254, phố Minh Khai, Phường Minh Khai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Ngày thành lập	17/11/2010
Số CNĐKDN	0100103721
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia
Vốn điều lệ	769.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	36,1%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	277.609.000.000 đồng

❖ Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng:

Địa chỉ	57 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hổ, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
Ngày thành lập	03/04/2003
Số CNĐKDN	0100103369
Hoạt động kinh doanh chính	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, kinh doanh vật liệu xây dựng
Vốn điều lệ	3.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	36,05%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	1.081.500.000 đồng

❖ Công ty cổ phần Thực phẩm và Nước giải khát Donanewtower:

Địa chỉ	Đường số 8, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
Ngày thành lập	06/04/1994
Số CNĐKDN	3600248569
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
Vốn điều lệ	128.600.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	32,36%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	41.614.960.000 đồng

f) Các khoản đầu tư vào đơn vị khác

❖ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Hạt điều & Hàng nông sản Thực phẩm Tp. HCM:

Địa chỉ	458B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày thành lập	16/11/2000
Số CNĐKDN	0302150428
Hoạt động kinh doanh chính	Kinh doanh hạt điều, nông lâm sản; xuất khẩu, nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng: hạt điều, nông lâm sản
Vốn điều lệ	220.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	10,0%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	22.000.000.000 đồng

❖ Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội:

Địa chỉ	Km 24, quốc lộ 1, Xã Quất Động, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội
---------	--



Ngày thành lập	16/02/2009
Số CNĐKDN	0500232898
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất lon nhôm 2 mảnh và nút khoén
Vốn điều lệ	573.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	14,4%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	82.512.000.000 đồng

❖ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Nông lâm sản Chế biến:

Địa chỉ	25 Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP. Hà Nội
Ngày thành lập	04/01/2005
Số CNĐKDN	0100102277
Hoạt động kinh doanh chính	Sản xuất, kinh doanh nông lâm sản
Vốn điều lệ	7.200.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	16,52%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	1.189.440.000 đồng

❖ Công ty cổ phần Rau quả Tiền Giang:

Địa chỉ	Km 1977 Quốc lộ 1A, Xã Long Định, Huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang
Ngày thành lập	24/02/2006
Số CNĐKDN	1200100123
Hoạt động kinh doanh chính	Chế biến và bảo quản rau quả
Vốn điều lệ	29.990.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu/tỷ lệ biểu quyết của VEGETEXCO tính đến thời điểm 31/12/2020	10,0%
Giá trị vốn góp (tính theo mệnh giá)	2.999.000.000 đồng

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần chính thức chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần với quy mô vốn điều lệ thực góp là 713.000.000.000 đồng. Kể từ thời điểm hoàn tất cổ phần hóa, Tổng Công ty chưa thực hiện tăng vốn.

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp

Trong 02 năm 2019-2020, Tổng công ty không có các khoản góp vốn hoặc thoái vốn nào có giá trị từ 10% tổng tài sản trở lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty tại thời điểm thực hiện.

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông: 71.300.000 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 26/01/2021

STT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phiếu (CP)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ
I	Cổ đông trong nước	133	71.300.000	713.000.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	5	70.993.900	709.939.000.000	99,57%
2	Cổ đông cá nhân	128	306.100	3.061.000.000	0,43%
3	Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0%
II	Cổ đông nước ngoài	0	0	0	0%
1	Cổ đông tổ chức	0	0	0	0%
2	Cổ đông cá nhân	0	0	0	0%
	Tổng cộng	133	71.300.000	713.000.000.000	100%

Nguồn: VEGETEXCO

8.2. Cổ phiếu ưu đãi: Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác: Không có

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.

Căn cứ theo Khoản 1, Điều 139, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau:

“1. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty đại chúng được xác định như sau:

- a) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà điều ước quốc tế có Việt Nam là thành viên quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo điều ước quốc tế;*
- b) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật liên quan có quy định về sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó;*
- c) Công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh thuộc danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài thì thực hiện theo quy định về sở hữu nước ngoài tại danh mục. Trường hợp ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện tại danh mục không quy định cụ thể điều kiện tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong tổ chức kinh tế thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại công ty là 50% vốn điều lệ;*
- d) Công ty đại chúng không thuộc các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này, tỷ lệ sở hữu nước ngoài là không hạn chế;*
- đ) Trường hợp công ty đại chúng hoạt động đa ngành, nghề, có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành, nghề có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài;*
- e) Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty.”*

Căn cứ:

- Nghị định 163/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ logistics;
- Cam kết cụ thể về gia nhập WTO của Việt Nam – Phần II: biểu cam kết cụ thể về dịch vụ - Danh mục miễn trừ đối xử Tối huệ quốc theo Điều II;
- Hiệp định thương mại tự do (FTAs);
- Hiệp định khung ASEAN về dịch vụ (AFAS);
- Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Hàn Quốc (VKFTA);
- Thông tư số 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công thương về Công bố lộ trình thực hiện hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;
- Thông tư số 09/2013/TT-BTTTT ngày 08/04/2013 của Bộ Thông tin Truyền thông ban hành Danh mục sản phẩm phần mềm và phần cứng, điện tử;
- Công thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài (FIA Việt Nam) thuộc Cục đầu tư nước ngoài – Bộ Kế hoạch và đầu tư

VEGETEXCO đã rà soát tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo quy định đối với các ngành nghề kinh doanh của VEGETEXCO, theo đó Tổng Công ty có 7 ngành nghề kinh doanh (Các mã ngành: 4711; 4781; 4631; 4651; 4652; 4933; 5224) nằm trong danh mục hạn chế đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài, trong đó có 5 ngành nghề kinh doanh có tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0%, cụ thể như sau:

TT	(Mã) Ngành nghề đăng ký đầu tư, kinh doanh	Tỷ lệ SHNN tối đa theo cam kết quốc tế	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật liên quan	Tỷ lệ SHNN tối đa theo pháp luật cổ phần hóa	Tỷ lệ SHNN tối đa tại Danh mục ngành, nghề hạn chế tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài	Tỷ lệ SHNN tối đa theo Điều lệ công ty
1	(4711) Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	0% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	0%	Không quy định	Không quy định	Không có
2	(4781) Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	0% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	0%	Không quy định	Không quy định	Không có
3	(4933) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ - Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	0% (AFAS)	51%	Không quy định	Không quy định	Không có
4	(5224) Bốc xếp hàng hóa	0% (AFAS)	50%	Không quy định	Không quy định	Không có
5	(4631) Bán buôn gạo	0% (WTO, AFAS, FTAs, VKFTA)	0%	Không quy định	Không quy định	Không có
6	(4651) Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	Không quy định	0%	Không quy định	Không quy định	Không có
7	(4652) Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	Không quy định	0%	Không quy định	Không quy định	Không có

Do đó, tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Tổng Công ty là 0%.



Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài tại Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần tại thời điểm 31/12/2020 là 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

Đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ này, Tổng công ty phát hành cho các cổ đông hiện hữu. Tại thời điểm chốt danh sách nhà đầu tư mua cổ phiếu, Tổng công ty sẽ kiểm tra tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài để đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Ngày 25/02/2021, Hội đồng quản trị ban hành Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐQT điều chỉnh nội dung của Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01/2021/NQ-HĐQT ngày 08/01/2021 về phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nội dung phương án như sau:

- Cổ phiếu của Tổng công ty chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 25/02/2021, Tổng công ty có 133 cổ đông, trong đó không có cổ đông nước ngoài. Đối tượng chào bán của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 713 tỷ đồng lên 1.426 tỷ đồng là cổ đông hiện hữu (Cổ đông hiện hữu được mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 1:1).
- Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổng công ty đúng quy định (tối đa 0%), Tổng công ty không xác nhận chuyển nhượng cổ phần/chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng cổ phần/chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư trong nước.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trường hợp không có nhà đầu tư nước ngoài và các cổ đông đều thực hiện quyền theo tỷ lệ thì sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổng công ty vẫn đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty là 0%.
- Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trường hợp không có nhà đầu tư nước ngoài nhưng phát sinh cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ phân phối số cổ phiếu còn dư này cho nhà đầu tư trong nước khác.
- Đối với các trường hợp phát sinh khác, trong quá trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phân phối cổ phiếu còn dư của đợt chào bán, Hội đồng quản trị sẽ đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0%.

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

VEGETEXCO là công ty đa ngành nghề. Sau khi thực hiện cổ phần hóa chuyển đổi mô hình hoạt động là công ty cổ phần, Tổng công ty tập trung vào 3 mảng hoạt động kinh doanh chính như sau:

a) Kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Thị trường thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam phát triển khá nhanh, với mức tăng trưởng trung bình từ 10 – 13%/năm. Việt Nam hiện là nước đứng đầu khối ASEAN và đứng thứ 12 thế giới về sản lượng sản xuất thức ăn chăn nuôi công nghiệp. Dự báo đến năm 2022, nhu cầu thức ăn chăn nuôi của Việt Nam khoảng 25 – 26 triệu tấn/năm, trị giá hơn 10 tỷ USD. Mặc dù là quốc gia sản xuất thức ăn

chăn nuôi lớn của khu vực nhưng Việt Nam hiện tại chưa thực sự tự chủ được về nguồn nguyên liệu đầu vào khi phần lớn phải nhập khẩu ngũ cốc, phụ gia lên tới hàng chục triệu tấn mỗi năm, giá trị lên tới hàng tỷ USD.

Nắm bắt được nhu cầu này, từ năm 2016 đến nay Vegetexco đẩy mạnh việc nhập khẩu và kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi (ngô, khô đậu tương, lúa mì ...) với doanh thu bình quân hơn 7 nghìn tỷ đồng/năm, tăng trưởng bình quân 10%/năm giai đoạn 2018-2020.

Việc kinh doanh thức ăn chăn nuôi được Văn phòng Tổng Công ty phụ trách thực hiện.

b) Kinh doanh hạt điều

Tổng công ty Vegetexco là một trong những đơn vị đầu tiên của ngành điều Việt Nam có nhà máy chế biến điều từ những năm 1990. Công ty chế biến điều và Nông sản Vegetexco (đơn vị hạch toán trực thuộc của Tổng công ty) là đơn vị có thế mạnh về chế biến và xuất khẩu điều, với kim ngạch xuất khẩu năm 2019 đạt trên 10 triệu USD. Sản phẩm Điều của Vegetexco bao gồm điều chế biến thô và điều chế biến sâu.

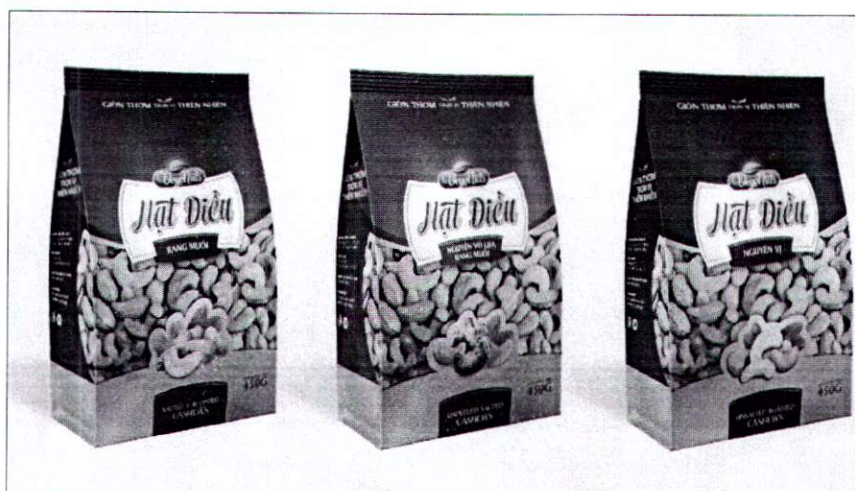
Các loại điều được chế biến thô theo tiêu chuẩn chất lượng của Việt Nam và tiêu chuẩn AFI của Mỹ một cách nghiêm ngặt. Sản phẩm điều thô của Tổng công ty hiện đang được xuất khẩu tới nhiều quốc gia trên thế giới như Mỹ, EU, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Ngoài các sản phẩm điều chế biến thô, Vegetexco còn sản xuất các sản phẩm Điều chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao như hạt điều rang muối, điều chiên, điều tẩm mật ong, điều tẩm Wasabi, kẹo hạt điều...

Việc sản xuất, chế biến và kinh doanh điều được thực hiện bởi Công ty chế biến điều và Nông sản Vegetexco – đơn vị trực thuộc của Tổng công ty. Năm 2020, VEGETEXCO tiếp tục nằm trong Top 30 các nhà xuất khẩu điều hàng đầu của Hiệp hội Điều Việt Nam.

Một số hình ảnh mặt hàng điều của Tổng công ty:





c) Kinh doanh hạt giống rau, hoa các loại

Thị trường giống cây trồng Việt Nam được đánh giá là một thị trường đầy tiềm năng. Hàng năm Việt Nam phải nhập khẩu hơn 8.000 tấn hạt giống các loại trị giá khoảng 500 triệu USD để cung ứng cho nhu cầu gieo trồng rau của cả nước.

Với bề dày trên 30 năm kinh nghiệm kinh doanh trong lĩnh vực giống cây trồng, Công ty Giống Rau quả Trung ương (đơn vị trực thuộc của Vegetexco) đã có một chỗ đứng nhất định trong ngành Nông nghiệp, trong đó kinh doanh hạt giống rau và các loại hoa lan là mảng kinh doanh chính của Công ty. Một số hạt giống rau chính mà Tổng công ty kinh doanh có thể kể đến như: cải củ Hà Nội, bắp cải Bắc Hà, su hào Hà Giang, cải bẹ mào gà, cải xanh lá vàng, xà lách, ngô, lúa, hoa lan các loại (địa lan Đà Lạt, lan vũ nữ, lan hồ điệp...)

Ngoài 3 mảng kinh doanh chính trên, Tổng công ty có một số hoạt động mang lại doanh thu khác như kinh doanh xuất nhập khẩu, cho thuê kho bãi, ...

Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

❖ Cơ cấu doanh thu qua các năm – Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I. Văn phòng Tổng công ty	5.861.365	97,31%	11.315.564	93,69%	2.675.075	68,43%
Kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	5.861.365	97,31%	11.315.564	93,69%	2.675.075	68,43%
II. Công ty Giống rau quả Trung ương	30.698	0,51%	54.713	0,45%	20.464	0,53%

Kinh doanh hạt giống và dự trữ quốc gia	19.661	0,33%	46.446	0,38%	14.482	0,37%
Kinh doanh rau và thực phẩm an toàn	5.375	0,08%	4.827	0,04%	2.980	0,08%
Kinh doanh hoa và vật tư hoa	2.847	0,05%	3.440	0,03%	3.002	0,08%
Kinh doanh xuất nhập khẩu, cho thuê kho, khác,...	2.815	0,05%	-			
III. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco	131.030	2,18%	707.109	5,86%	1.213.583	31,04%
Kinh doanh điều	131.030	2,18%	707.109	5,86%	1.213.583	31,04%
Tổng cộng	6.023.093	100,00%	12.077.386	100,00%	3.909.122	100,00%

Nguồn: VEGETEXCO

Có thể thấy, kinh doanh thức ăn chăn nuôi là mảng hoạt động mang lại giá trị cao nhất, đóng góp trung bình hơn 95% cơ cấu doanh thu của Tổng Công ty trong giai đoạn 2018 – 2019 do thị trường thức ăn chăn nuôi tại Việt Nam có nhu cầu đột biến, khiến cho lợi nhuận mảng hoạt động này của Tổng công ty tăng mạnh trong năm. Trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch covid trên toàn cầu, hoạt động kinh doanh, xuất nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi của Tổng công ty gặp nhiều khó khăn. Doanh thu của mảng hoạt động này sụt giảm mạnh hơn 75% so với năm 2019.

Kinh doanh điều là mảng hoạt động đóng góp trung bình gần 4% cơ cấu doanh thu của Tổng công ty. Đây là mảng kinh doanh truyền thống, cùng với kinh doanh hạt giống rau, hoa ... khác đóng góp xấp xỉ 1% vào cơ cấu doanh thu của Tổng công ty qua các năm.

❖ Cơ cấu lợi nhuận gộp qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
I. Văn phòng Tổng công ty	25.048	167,26%	55.437	230,61%	13.236	91,58%
II. Công ty Giống rau quả Trung ương	7.616	50,86%	14.630	60,86%	5.817	40,25%
III. Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco	-17.689	-118,12%	-46.028	-191,47%	-4.600	-31,83%

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Tổng cộng	14.975	100,00%	24.039	100,00%	14.453	100,00%

Nguồn: VEGETEXCO

❖ Chi phí sản xuất qua các năm

Đơn vị: triệu đồng

Chi phí	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Giá vốn hàng bán	6.008.118	94,26%	12.053.347	98,78%	3.894.669	93,91%
Văn phòng Tổng công ty	5.836.316	91,57%	11.260.128	92,28%	2.661.839	64,19%
Công ty Giống rau quả Trung ương	23.083	0,36%	40.083	0,33%	14.647	0,35%
Công ty Chế biến Điều và Nông sản Vegetexco	148.719	2,33%	753.137	6,17%	1.218.183	29,37%
Chi phí tài chính	286.935	4,50%	77.524	0,64%	178.422	4,31%
Chi phí bán hàng	7.495	0,12%	11.536	0,09%	13.536	0,33%
Chi phí QLDN	70.872	1,11%	40.267	0,33%	49.140	1,18%
Chi phí khác	519	0,01%	19.859	0,16%	11.258	0,27%
Tổng cộng	6.373.939	100,00%	12.202.533	100,00%	4.147.025	100,00%

Nguồn: VEGETEXCO

10.2. Tài sản

❖ Giá trị tài sản cố định tại ngày 31/12/2020

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
I	Tài sản cố định hữu hình	96.653.051.698	29.561.782.272	30,6%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	65.949.970.678	17.026.130.655	25,8%

TT	Khoản mục	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG(%)
2	Máy móc, trang thiết bị	23.584.079.812	10.947.483.694	46,4%
3	Phương tiện vận tải	5.393.648.216	717.951.550	13,3%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.141.714.173	439.318.712	38,5%
5	TSCĐ hữu hình khác	583.638.819	430.897.661	73,8%
II	Tài sản cố định vô hình	3.915.426.876	2.152.364.624	55,0%
1	Quyền sử dụng đất	3.273.047.076	2.152.364.624	65,8%
2	Phần mềm	642.379.800	-	0,0%
	Tổng cộng	100.568.478.574	31.714.146.896	31,5%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của VEGETEXCO

❖ Tài sản xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
1	Dự án số 02 Phạm Ngọc Thạch	3.816.678.297	168.534.750.297	200.805.998.967
2	Dự án 58 Lý Thái Tổ	3.888.548.810	3.922.463.355	5.714.841.702
3	Các công trình khác	40.740.000	7.414.536.082	1.430.368.301
	Tổng cộng	7.745.967.107	179.871.749.734	207.951.208.970

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019-2020 của VEGETEXCO

❖ Tình hình đất đai mà Công ty đang quản lý và sử dụng:

TT	Địa chỉ đất	Diện tích (m2)	Mục đích sử dụng	Thời hạn	Hình thức sử dụng
1	2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà	1) Tổng diện tích: 1947,8 m2, trong đó: a) Đất trong chỉ giới: 1804 m2 b) Đất ngoài chỉ giới:	Đất hỗn hợp	02/10/2068	Đang thi công thực hiện dự án theo GPXD số 02-GPXD ngày

TT	Địa chỉ đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn	Hình thức sử dụng
	Nội	143,8 m ²			17.01.2020
2	58 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	1) Diện tích đất: 404 m ²	Làm khách sạn (Đất cơ sở sản xuất kinh doanh)	15/10/2043	Đang thi công cải tạo dự án khách sạn
3	Kho Cầu Tiên tại phường Thịnh Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội	1) Diện tích đất: 985 m ² 2) Diện tích xây dựng công trình: 600 m ² 3) Diện tích sàn xây dựng: 600 m ²	Văn phòng làm việc và giới thiệu sản phẩm	15/10/2043	Đang xin thực hiện dự án Tòa nhà văn phòng
4	Kho Cầu Diễn, xã Phú Diễn (Phú Minh), Từ Liêm, Hà Nội	Tổng diện tích khu đất: 11.362,3 m ² ; Diện tích sàn sử dụng: 3.360 m ²	Nhà kho nông sản		Đang làm kho hàng hóa
5	xã Liên Phương, Thường Tín, Hà Nội (Hà Tây cũ)	1) Tổng diện tích: 46.297,6 m ² 2) Tổng diện tích đất xây dựng: 10.743 m ² , bao gồm 9 ngôi nhà với diện tích sàn xây dựng: 14.466 m ² (nhà kho)	cơ sở sản xuất kinh doanh và kho giống	15/10/2043	- Đã có TS trên đất (Kho+Xưởng) nhà VP, nhà kính trồng rau, kho hiện tại nằm trong Khu công nghiệp Hà Bình Phương; - 1 phần đất trống không trồng trọt / canh tác được - hiện tại chưa sử dụng;
6	Khu đất tại KCN Vĩnh Lộc, Bình Tân, Hồ Chí Minh	Diện tích đất: 11.000 m ²	Đất SXKD trong KCN	30/8/2053	- Cty Tovecan đã XD & đang vận hành nhà máy trên khu đất (đang thuê đất của Tổng Công ty) - Hiện, đang làm thủ tục cấp GCN cho

TT	Địa chỉ đất	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn	Hình thức sử dụng
					công ty cổ phần
7	Khu đất tại QL13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, Bình Phước	1) Diện tích đất: 49.556,4 m ² 2) TSTĐ: 17 cơ sở nhà xưởng, kho phục vụ chế biến hạt điều. 3) Tổng diện tích xây dựng: 9.309,4 m ² 4) Tổng diện tích sàn: 9.309,4, trong đó gồm: a) Trụ sở: 334,3 m ² b) Kho, nhà xưởng: 8.975,1 m ² 5) Diện tích xây dựng sử dụng khác: 2.270 m ²	Đất SXKD	01/01/2049	TSTĐ được ghi nhận trên GCN QSDĐ
8	Khu đất tại QL13, xã Thành Tâm, huyện Chơn Thành, Bình Phước (nằm trong Khu đất 49.556,4 m ² ở trên)	1) Diện tích đất: 1349.8 m ² 2) TSTĐ: Có nhưng không xác định được vì đã bỏ hoang và cũ nát (do liên danh bỏ lại)	Đất SXKD	17/5/2021	Hiện Vegetexco đang làm thủ tục gia hạn sử dụng đất
9	Khu đất tại Ấp 1, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, Bình Phước	Diện tích đất: 10.225 m ²	Đất trồng cây lâu năm	2049	Đất trồng cây lâu năm. Đã được cấp GCN
10	Khu đất tại Ấp 1, xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, Bình Phước	1) Diện tích đất: 27.996 m ² , bao gồm: a) Đất trồng cây lâu năm: 27.366 m ² b) Đất ở nông thôn: 600 m ²	Đất trồng cây lâu năm và Đất ở nông thôn	1.a) 2044	Đất trồng cây lâu năm. Đã được cấp GCN

Nguồn: VEGETEXCO

10.3. Thị trường hoạt động

Đối với mặt hàng thức ăn chăn nuôi, Tổng công ty xác định đơn vị hợp tác kinh doanh với dự kiến thị phần kênh hợp tác chiếm 98%, kênh trực tiếp chiếm 2% trong cơ cấu doanh thu; Dàn thiết lập

hệ thống kênh phân phối trực tiếp thức ăn chăn nuôi cho các Nhà máy và các khách hàng thương mại trên toàn quốc.

Đối với mặt hàng hạt giống rau, Tổng công ty đang tập trung phát triển khu vực thị trường miền bắc và bắc trung bộ với qui mô nhu cầu thị trường ước tính khoảng 23 triệu USD. Trong tương lai, Tổng công ty cũng có kế hoạch tiến vào các thị trường các tỉnh phía nam khi hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

Đối với mặt hàng hạt điều, hiện nay sản phẩm điều nhân của Công ty chế biến điều và nông sản Vegetexco (Vegetexco Bình Phước được xuất khẩu hầu khắp các châu lục (Mỹ/ EU/Trung Quốc/ Trung Đông/ Châu Á: Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan...), cho các nhà rang chiên/ thương mại nhân Điều hàng đầu thế giới như: Red river, SLD, Atlantic, JF Boun... của Mỹ; Chi Commodities, Canada; Barow Land, Cetecom, Voice Vale... châu Âu; Scalzo, Úc; Beijing, Tan hồ TRUNG QUOC, Fine Thing... Đài loan; OLAM SINGAPORE; Mussafi, Alderbaran... Trung Đông. Vegetexco Bình Phước sẽ tiếp tục sản xuất điều thô và xuất khẩu điều nhân cho các thị trường Mỹ, Châu Âu, đặc biệt đẩy mạnh vào khu vực Châu Âu và Anh vì được hưởng các lợi ích từ các hiệp định kinh tế song phương (UKVFTA) cũng như đa phương. Ngoài ra, sẽ đầu tư hệ thống rang, chiên và tẩm ướp gia vị để bán trực tiếp các sản phẩm điều chế biến sâu tại thị trường nội địa và hướng tới xuất khẩu sang thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc.

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh hay cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính

Theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Tổng công ty hiện một số khoản đầu tư tài chính như sau:

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung	Giá gốc tại ngày 01/01/2020	Giá gốc tại ngày 31/12/2020
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	228.230.828	13.240.087.929
2	Đầu tư vào công ty con	100.000.000.000	-
3	Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết	487.439.696.091	464.099.145.060
4	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	87.868.205.153	127.976.557.944
	Tổng cộng	675.536.132.072	605.315.790.933

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2020 của VEGETEXCO

Hiện nay, Tổng Công ty đang thực hiện đầu tư một số dự án bất động sản như sau:

STT	TỈNH/ THÀNH PHỐ	THÔNG TIN DỰ ÁN/ ĐIỂM ĐẤT		
		TÊN DỰ ÁN	ĐỊA CHỈ	QUY MÔ/ DIỆN TÍCH (ha,m2)

1	Hà Nội	Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch	02 Phạm Ngọc Thạch	Qui mô diện tích đất dự án: 1.804 m ²
2	Hà Nội	Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco	số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	Tổng diện tích khu đất: 404m ² Tầng cao: 07 Tầng nổi;

Thông tin về các dự án bất động sản, hiệu quả dự án và đánh giá xem ở Mục VIII.

10.5. Các hợp đồng lớn

STT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Năm hợp đồng	Giá trị hợp đồng (đồng)	Giá trị thực hiện thực tế đến 30/09/2020	Đối tác	Thời gian ký kết hợp đồng
1	TACN	2	1	574.756.000.000	571.613.431.014	CÔNG TY CỔ PHẦN HUM	07/11/2019
2	TACN	2	1	412.004.000.000	396.170.891.264	CÔNG TY CỔ PHẦN THĂNG HOA	26/11/2019
3	TACN	5	1	767.761.000.000	781.269.180.062	CÔNG TY CP KINH DOANH THƯƠNG MẠI THỊNH PHÁT	14/12/2019
4	TACN	3	1	387.960.000.000	399.410.509.200	CÔNG TY CP XNK THỦ CÔNG MỸ NGHỆ	27/11/2019
5	TACN	1	1	113.868.000.000	105.310.155.570	CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TÂN LONG	15/02/2020
6	TACN	1	1	121.000.000.000	116.932.255.000	CÔNG TY CP XNK RAU QUẢ I	13/03/2020
Tổng cộng				2.377.349.000.000	2.370.706.422.110		

Nguồn: VEGETEXCO

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn

STT	Tên khách hàng	Loại hàng hóa/ dịch vụ
I	Nhóm khách hàng cung cấp sản phẩm/hàng hóa điều nguyên liệu	Điều nguyên liệu

STT	Tên khách hàng	Loại hàng hóa/ dịch vụ
1	Noble Star International - Bờ Biển Ngà	Điều nguyên liệu
2	HPJ EXIM PRIVATE LIMITED - Nigeria	Điều nguyên liệu
3	AST Enterprices - Dubai	Điều nguyên liệu
4	PAJSON TRADING DMCC - Nigeria	Điều nguyên liệu
5	N4B CONSULT LIMITED - Nigeria	Điều nguyên liệu
6	AFCOM TRADING DMCC - Tanzania	Điều nguyên liệu
7	Agrinut - Bờ Biển Ngà	Điều nguyên liệu
8	Withal - Singapore	Điều nguyên liệu
9	SIDEVAG - Bờ Biển Ngà	Điều nguyên liệu
10	GOMES & GOMES - Guinea Bissau	Điều nguyên liệu
11	GIE-GEPPA - Bờ Biển Ngà	Điều nguyên liệu
12	AGRIGUINE SARL - Guinea Bissau	Điều nguyên liệu
II	Nhóm nhà cung cấp cung cấp sản phẩm/hàng hóa nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	
1	Marubeni - Singapore	Khô đậu tương / Ngô hạt
2	Midstar - Singapore	Ngô hạt
3	CHS - Mỹ	Ngô hạt
4	Posco Daewoo - Hàn Quốc	Ngô hạt
5	Sierentz - Thụy Sĩ	Ngô hạt
6	Glencore - Hà Lan	Ngô hạt

Nguồn: VEGETEXCO

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành

❖ Vị thế của VEGETEXCO so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Tổng Công ty Rau quả, Nông sản – công ty cổ phần hoạt động kinh doanh đa ngành, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu rau quả, hoa, nông sản, thức ăn chăn nuôi. Các sản phẩm rau quả, nông sản chế biến mang thương hiệu VEGETEXCO

VIETNAM đã và đang dành được uy tín với khách hàng trong nước, quốc tế. Đến nay, các mặt hàng của Tổng công ty đã có mặt trên 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó những sản phẩm hoa quả cô đặc, đồ hộp, đông lạnh, các sản phẩm hạt điều, rau, gia vị ... được khách hàng ưa chuộng tại nhiều thị trường như EU, Mỹ, Nga, Nhật Bản, Trung Quốc ...

VEGETEXCO là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh XNK nông sản, có mối quan hệ lâu năm với nhiều đối tác nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản. Tại Việt Nam, mặc dù bị nhiều đối thủ khác cạnh tranh, Tổng Công ty vẫn có chỗ đứng nhất định trên thị trường, đồng thời, VEGETEXCO vẫn không ngừng gia tăng mở rộng mạng lưới phân phối các sản phẩm nông sản của Tổng công ty.

Đối với việc kinh doanh điều, Tổng công ty đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu điều thô, điều nhân và có mối quan hệ hợp tác truyền thống với các nhà cung cấp và gia công điều, vị trí nhà máy thuận lợi khiến cho việc sản xuất các mặt hàng điều của Tổng công ty thuận lợi hơn, giá cả có thể cạnh tranh được với các đối thủ khác trên thị trường.

❖ *Triển vọng phát triển của ngành*

Thị trường thức ăn chăn nuôi

Chăn nuôi là mắt xích quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, đã trở thành ngành sản xuất hàng hóa lớn và chuyển dịch nhanh theo hướng trang trại với tốc độ tăng trưởng trung bình 5-6%/năm. Nhiều sản phẩm chăn nuôi của Việt Nam đã có vị thế cao trong khu vực và trên thế giới như: chăn nuôi lợn đứng vị trí thứ 5 về đầu con, thứ 6 về sản lượng; đàn thủy cầm đứng thứ 2 thế giới. Điều này tạo động lực phát triển cho thị trường thức ăn chăn nuôi (TACN). Theo báo cáo của Grand View Research, những năm gần đây, ngành TACN tăng trưởng và phát triển khá tốt với mức tăng trung bình đạt 13-15%/năm, sản lượng công nghiệp đứng số 1 trong khu vực Đông Nam Á. Số liệu công bố năm 2019 đạt xấp xỉ 20 triệu tấn, nếu cộng cả thức ăn thủy sản con số này có thể lên tới trên 30 triệu tấn. Mặt khác, thức ăn cũng đóng một vai trò rất quan trọng, cung cấp năng lượng cho vật nuôi hoạt động và phát triển, góp phần làm tăng năng suất và hiệu quả kinh tế cho ngành chăn nuôi.

Theo đánh giá của nhiều chuyên gia trong và ngoài nước, hiện tại, nhu cầu thức ăn chăn nuôi của Việt Nam là khoảng 30 triệu tấn/năm, trị giá 12-13 tỷ USD với mức tăng trưởng trung bình 13 – 14%/năm nên có thể coi đây là thị trường lớn, còn nhiều tiềm năng phát triển.

Trong những năm gần đây, ngành TACN Việt Nam phụ thuộc nặng vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu. Trong năm 2018, ước tính 70% tổng nguồn nguyên liệu thô làm TACN, bao gồm TACN công nghiệp, là từ nguồn nhập khẩu. USDA Post ước tính trong năm 2019, 76% tổng lượng nguyên liệu thô là nguồn nhập khẩu khi ngành TACN tiếp tục tăng trưởng tốt. Nguyên liệu thô nhập khẩu bao gồm bột đậu tương, ngô, DDGS, các loại bột ngũ cốc và cám khác từ cùi dừa, hạt cải, và cám gạo. Các nguồn nguyên liệu nhập khẩu còn bao gồm các protein động vật như bột thịt và bột xương (MBM) và bột cá. Kết quả khảo sát của Vietnam Report về triển vọng của ngành TACN trong năm tới, đã ghi nhận: 57,1% doanh nghiệp đánh giá sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng; 28,6% đánh giá tăng trưởng khả quan, tốt hơn một chút và chỉ có 14,3% tăng trưởng sẽ thấp hơn một chút. Theo USDA, thị trường thức ăn chăn nuôi Việt Nam dự kiến sẽ tăng trưởng kép hàng năm 5,06% trong giai đoạn dự báo để đạt quy mô thị trường 12.270 tỷ USD vào năm 2025 từ mức 9.124 tỷ USD vào năm 2019.

Hiện tại, nhu cầu thức ăn chăn nuôi của Việt Nam là khoảng 30 triệu tấn/năm, trị giá 12-13 tỷ USD

với mức tăng trưởng trung bình 13 – 14%/năm nên có thể coi đây là thị trường lớn, còn nhiều tiềm năng phát triển. Bên cạnh đó, nguồn cung thế giới đa dạng hơn với giá cả tốt hơn, chất lượng không thua kém để giảm dần phụ thuộc vào thị trường cũ, đảm bảo tính ổn định lâu dài cho ngành SX thức ăn chăn nuôi trong nước.

Thị trường kinh doanh điều

Tổng sản lượng điều thô toàn cầu trong 1 thập kỉ gần đây liên tục tăng trưởng cả về chất lẫn về lượng. Sản lượng điều thô toàn cầu năm 2019 đưa vào chế biến theo INC (Hội đồng hạt và quả khô thế giới) ước đạt 4,03 triệu tấn tăng 8,2% so với năm 2018 và tăng 50% so với năm 2012, trong đó thu hoạch trong vụ là gần 3,7 triệu tấn.

Theo báo cáo của ACA (Liên hiệp các quốc gia trồng Điều Châu Phi) thì 90-95% sản lượng điều từ các nước trồng điều ở Tây Phi và Đông Phi được xuất khẩu sang Ấn Độ và Việt Nam, chỉ 5-10% được giữ lại để dùng chế biến trong nước. Phần lớn số điều nhân làm ra từ khu vực Châu Phi được xuất khẩu sang các nước Mỹ và EU, phần tiêu thụ nội địa không đáng kể chỉ chiếm hơn 5%.

Trong khi đó lượng điều thu hoạch hàng năm tại Ấn Độ và Việt Nam không đủ phục vụ nhu cầu sản xuất trong nước nên 2 nước này hàng năm phải nhập khẩu số lượng lớn điều thô từ các nước khác. Việt Nam là nước xuất khẩu điều nhân lớn nhất thế giới chiếm hơn 50% thị phần, nhưng tiêu thụ nội địa hiện nay mới chiếm khoảng 10% sản lượng hàng năm. Ấn Độ là nước sản xuất thứ 2 nhưng phần dành cho tiêu thụ nội địa lớn nhất thế giới khoảng 65-70%.

Có thể thấy, tiềm năng tiêu thụ điều trung và dài hạn trên thế giới có xu hướng ngày càng gia tăng cả về sản lượng và giá trị bởi lợi ích cho sức khỏe của hạt điều ngày càng được nhiều người biết đến. Trong khi đó, ngành điều Việt Nam đã gây dựng được thương hiệu nhất định và đang chiếm trên dưới 60% thị phần điều nhân xuất khẩu thế giới, sản phẩm và uy tín đã được khẳng định trên 100 quốc gia tin dùng trong nhiều năm.

Thị trường kinh doanh giống rau, hoa

Sản xuất rau quả là một trong những ngành sản xuất được chú trọng và đầu tư mạnh mẽ trong những năm trở lại đây, với tổng giá trị thị trường hạt giống rau Việt Nam ước tính đạt xấp xỉ 70 triệu USD. Cơ cấu sản phẩm thị trường hạt giống rau Việt Nam rất đa dạng, thay đổi theo vùng miền và mùa vụ, tuy nhiên, sản phẩm Tổng công ty tập trung vào 4 họ cây trồng chính: họ bầu bí, họ cà, họ thập tự, Ngô thương phẩm (ngô ngọt, ngô nếp) và các loại rau khác với thị trường chủ yếu là khu vực miền bắc và bắc trung bộ.

Thị trường phía nam chiếm hơn 50% tổng giá trị thị trường tương đương 23 triệu USD và là thị trường giàu tiềm năng để VEGETEXCO xây dựng kế hoạch tiến vào khi tình hình sản xuất, kinh doanh của công ty đáp ứng được nhu cầu kinh doanh trong tình hình mới.

❖ Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của VEGETEXCO với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

VEGETEXCO là đơn vị có uy tín và có chỗ đứng nhất định trên thị trường, đối với các sản phẩm Tổng công ty kinh doanh, sản xuất. Thương hiệu VEGETEXCO VIETNAM đã có uy tín trên thị trường ngành nông sản Việt Nam và thế giới. Cùng với đội ngũ lãnh đạo, cán bộ nhân sự có tâm huyết, có kinh nghiệm lâu năm về các dự án, thị trường, đây là thế mạnh lớn của VEGETEXCO đối với việc hoạch định định hướng phát triển của Tổng công ty trong thời gian tới.

Tổng công ty Rau quả, nông sản - Công ty cổ phần đã định hướng phát triển với tiêu chí: “ Đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm” và xây dựng chiến lược phát triển bền vững trên cơ sở các mục tiêu chính: kinh tế - xã hội – môi trường. Trong đó :

- Lấy hoạt động kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi là hoạt động cốt lõi và mục tiêu kinh tế làm trọng tâm.
- Kinh doanh hạt giống rau là chủ lực của công ty Giống Rau quả Trung ương, mức tăng trưởng hàng năm từ 10%/năm .
- Trong 05 năm tới Công ty Vegetexco Bình Phước trở thành top 5 nhà chế biến và xuất khẩu điều lớn nhất Việt Nam với công suất 100-200 tấn nguyên liệu/ngày
- Tập trung quản lý tốt các khoản đầu tư tài chính tại các đơn vị liên doanh, liên kết với mục tiêu thu được lãi cổ tức hàng năm.
- Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thành Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và dự án Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch

Việc đặt mục tiêu phát triển trong tương lai như vậy, cùng với vị thế Tổng công ty trong ngành và xu hướng chung của thị trường Việt nam và thế giới, hướng đi này của VEGETEXCO có thể coi là phù hợp với xu hướng phát triển chung của doanh nghiệp

10.8. Hoạt động Marketing

Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường xuất nhập khẩu và thương mại nông sản đòi hỏi các công ty trong ngành muốn đi đến thành công phải không ngừng xây dựng và củng cố hình ảnh đối với khách hàng hiện có cũng như khách hàng tiềm năng. Do đó, bên cạnh công tác đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ nhằm ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của khách hàng, VEGETEXCO luôn quan tâm, chú trọng tới hoạt động Marketing. Công ty xác định việc thực hiện tốt chính sách Marketing, tăng cường sức cạnh tranh cho sản phẩm, dịch vụ sẽ góp phần quan trọng vào việc xây dựng, quảng bá thương hiệu của Công ty, thu hút khách hàng sử dụng sản phẩm dịch vụ của Công ty ngày tăng lên, từ đó thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh. Để thực hiện điều này, trong thời gian qua, Công ty đã triển khai một số hoạt động như:

- Tham gia các hội chợ GULF FOOD (Trung Đông), hội chợ FOODEX (Nhật Bản), hội chợ thương mại ASEAN-Trung Quốc (Trung Quốc); hội chợ ANUGA (Đức), Hội nghị Triển lãm SIETTA (Cote d’Ivoire)
- Khảo sát thị trường tại Dubai, Trung quốc, Nhật Bản, EU,
- Đẩy mạnh việc giao thương với các đối tác tại Châu Phi (Bờ Biển Ngà, Tanzania, Nigeria, Ghana,...)
- Song song với các hoạt động thúc đẩy kinh doanh, xây dựng thương hiệu, VEGETEXCO luôn duy trì công tác xây dựng hình ảnh là doanh nghiệp có trách nhiệm với xã hội, hướng tới cộng đồng bằng các chương trình vô cùng ý nghĩa như: ủng hộ đồng bào Miền Trung bị thiệt hại nặng nề do mưa bão; trực tiếp ủng hộ công nhân lao động và người dân Quảng Bình hạt giống rau; quyên góp ủng hộ trong công tác phòng chống dịch Covid – 19, hỗ trợ công nhân lao động nghèo nhân dịp tết cổ truyền,...

- Bên cạnh đó là các hoạt động quảng bá hình ảnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, quảng bá trên các tạp chí và ấn phẩm có uy tín của ngành, thiết kế và in ấn profile gửi đối tác, khách hàng.

Một số hình ảnh hoạt động của VEGETEXCO trong thời gian qua



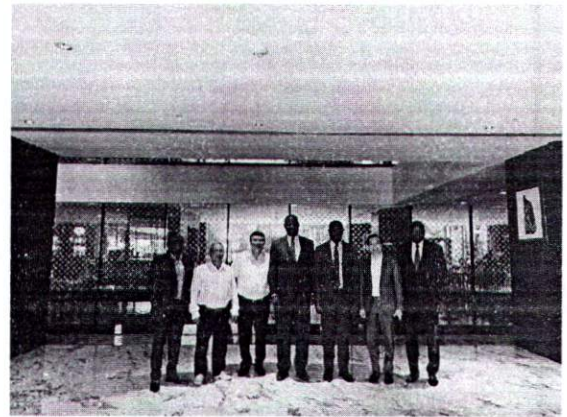
Ảnh 1: Gian hàng của Tổng công ty tại hội chợ Foodex (Nhật Bản)



Ảnh 2: Làm việc với khách hàng nước ngoài



Ảnh 3: Tổng Giám đốc VEGETEXCO VIETNAM cùng đoàn VINACAS làm việc với Bộ trưởng Cố vấn của Thủ tướng Bờ Biển Ngà



Ảnh 4: Tổng Giám đốc VEGETEXCO cùng đại diện lãnh đạo Tập đoàn T&T Group và đại diện lãnh đạo Chính phủ Tanzania



Ảnh 5: Công đoàn Tổng công ty VEGETEXCO ủng hộ người dân miền trung bị thiệt hại do mưa bão



Ảnh 6: Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty VEGETEXCO trao hạt giống rau ủng hộ CNLD và người dân bị thiệt hại do mưa bão

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Biểu tượng logo của Công ty:



Tổng công ty đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu VEGETEXCO và logo của Tổng công ty tại Cục sở hữu trí tuệ. Tổng công ty cũng đã xây dựng trang website để giới thiệu, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ, năng lực kinh doanh, với địa chỉ website của Tổng Công ty: www.vegetexcovn.com.vn.

10.10. Chính sách nghiên cứu và phát triển

Trong năm 2020, Tổng công ty phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu - Ứng dụng công nghệ của Công ty cổ phần Tập đoàn T&T để cải tiến toàn bộ công nghệ sản xuất nhân điều xuất khẩu và xây dựng dây chuyền sản xuất điều chế biến sâu (hạt điều ăn liền).

Hiện nay, Tổng công ty đang trong quá trình xây dựng dự án khả thi để đầu tư sản xuất kinh doanh điều chế biến sâu tại thị trường nội địa.

Theo đánh giá của Tổng công ty, khi ứng dụng công nghệ sản xuất nêu trên vào thực tiễn sản xuất kinh doanh thì sẽ nâng cao được hiệu suất, tăng sản lượng sản xuất và chất lượng sản phẩm nhân điều xuất khẩu và phát triển mặt hàng điều chế biến sâu theo định hướng phát triển bền vững của ngành điều Việt Nam.

10.11. Chiến lược kinh doanh

Tổng công ty Rau quả, nông sản- Công ty cổ phần đã định hướng phát triển với tiêu chí: “ Đa dạng hóa ngành nghề và sản phẩm” và xây dựng chiến lược phát triển bền vững trên cơ sở các mục tiêu chính: kinh tế - xã hội – môi trường. Trong đó:

- Lấy hoạt động kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi là hoạt động cốt lõi và mục tiêu kinh tế làm trọng tâm.
- Kinh doanh hạt giống rau là chủ lực của công ty Giống Rau quả TW, mức tăng trưởng hàng năm từ 10%/năm .
- Trong 05 năm tới Công ty Vegetexco Bình Phước trở thành top 5 nhà chế biến và xuất khẩu điều lớn nhất Việt Nam với công suất 100-200 tấn nguyên liệu/ngày
- Tập trung quản lý tốt các khoản đầu tư tài chính tại các đơn vị liên doanh, liên kết với mục tiêu thu được lãi cổ tức hàng năm.
- Thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, hoàn thành Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội và dự án Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của VEGETEXCO, vì vậy Tổng công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Tính đến thời điểm 31/12/2020, tổng số lao động trong Tổng công ty là 177 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Cơ cấu lao động của Tổng công ty

STT	Tiêu chí	Số người	Tỷ lệ (%)
I	Phân loại theo trình độ chuyên môn lao động	177	
1	Trên đại học	6	3.38
2	Trình độ đại học và tương đương	55	31.07
3	Trình độ cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	15	8.47
4	Trình độ sơ cấp nghề, công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	101	57.06
II	Phân loại theo Hợp đồng lao động	177	
1	Lao động không thuộc diện ký Hợp đồng lao động	1	0.56
2	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	111	62.71
3	Hợp đồng lao động thời hạn 1÷3 năm	54	30.5
4	Hợp đồng lao động thời vụ	11	6.21
III	Phân loại theo giới tính	177	
1	Lao động là Nam giới	86	48.58
2	Lao động là Nữ giới	91	51.41

Nguồn: VEGETEXCO

11.2. Chính sách đối với người lao động

❖ Chính sách tiền lương:

- Công ty áp dụng hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm, lương khoán để trả lương làm việc hằng tháng cho CBCNV.
- CBCNV được xếp lương căn cứ vào năng lực, thời gian đảm nhận vị trí.
- Việc nâng lương được xem xét định kỳ, nâng lương trước thời hạn.
- Đối với người mới tuyển dụng sẽ được xem xét thỏa thuận mức lương để trả sao cho bảo đảm mức lương tương ứng với thị trường, đáp ứng yêu cầu của người lao động và của Tổng Công ty.

❖ Chính sách tiền thưởng:

Công ty thực hiện chính sách thưởng cho người lao động khi người lao động có những đóng góp lớn, hiệu quả cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty, chấp hành tốt nội quy của Tổng



Công ty. Tiền thưởng chi cho người lao động được thực hiện từ các nguồn sau:

- Thưởng từ quỹ tiền lương cho người lao động có những đóng góp tích cực, hiệu quả cho từng cơ sở.
- Thưởng từ quỹ khen thưởng cho những cán bộ công nhân viên có những thành tích trong công tác, lao động do các cấp xét vào dịp kết thúc năm, hoặc có những sáng kiến, thành tích đột xuất được ghi nhận.

Đối với lãnh đạo Tổng công ty: Gồm các thành viên HĐQT, BTGD Công ty, cán bộ quản lý khi có những đóng góp vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, sản xuất kinh doanh có hiệu quả sẽ được HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông xem xét trích quỹ thưởng cho HĐQT, BTGD vào kỳ đại hội cổ đông thường niên hằng năm.

❖ Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động:

- Ngoài chính sách lương, thưởng người lao động còn được Tổng Công ty hỗ trợ kinh phí đào tạo trong nước và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ, năng lực quản lý...; các quy định về nâng bậc lương, thi tay nghề.
- Thực hiện chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN theo đúng quy định của Nhà nước.
- Trang bị đồng phục làm việc cho khối văn phòng;
- Tổng Công ty còn có quy định hỗ trợ chi phí sử dụng điện thoại phục vụ công tác cho một số đối tượng gồm HĐQT, BTGD, Trưởng Ban Kiểm soát, trưởng phó các đơn vị, cán bộ nghiệp vụ... hàng tháng.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần, Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức (tiền mặt hoặc cổ phiếu) hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Tổng Công ty.

Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể chốt danh sách cổ đông (ngày chốt quyền) để chia cổ tức. Các cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại ngày chốt quyền sẽ được quyền nhận cổ tức (tiền mặt/cổ phiếu).

Giai đoạn năm 2018-2020, Tổng Công ty không có kế hoạch chi trả cổ tức cho cổ đông. Năm 2017, Tổng công ty thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông với tỷ lệ chi trả 6,5%.

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần chính thức chuyển đổi mô hình từ Công ty TNHH một thành viên sang Công ty cổ phần với quy mô vốn điều lệ thực góp là 713.000.000.000 đồng. Kể từ thời điểm hoàn tất cổ phần hóa, Tổng Công ty chưa thực hiện tăng vốn.

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần là một doanh nghiệp nhà nước đã được tiến hành cổ phần hóa và chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ ngày 04/01/2016.

Ngày 05/08/2016, Tổng công ty được UBCKNN chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng theo công văn số 5102/UBCK-GSDC.

Ngày 21/11/2016, Tổng công ty đã nộp hồ sơ đăng ký giao dịch chứng khoán trên hệ thống UPCOM lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Ngày 31/3/2017, Tổng công ty đã có công văn số 29/RQNS-TK gửi Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội về việc tạm ngừng giải trình hồ sơ Upcom. Nguyên nhân chính do việc quyết toán giá trị vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần vẫn chưa hoàn tất, dẫn đến tổng mức vốn góp của chủ sở hữu trong công ty cổ phần vẫn chưa được xác định cụ thể và Tổng công ty không có được những giải trình phù hợp cho khoản chênh lệch giữa vốn góp của chủ sở hữu và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Do đó, Tổng công ty vẫn chưa hoàn thiện đầy đủ hồ sơ đăng ký giao dịch Upcom.

Tại biên bản làm việc với Đoàn kiểm tra UBCKNN ngày 02/04/2019, VEGETEXCO cam kết sẽ tiến hành đăng ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hoàn thiện hồ sơ đăng ký giao dịch Upcom để trình lên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội đưa cổ phiếu vào đăng ký giao dịch tập trung sau khi các số liệu xác định giá trị vốn Nhà nước bàn giao sang Công ty cổ phần được phê duyệt.

Cuối Quý III/2019, việc quyết toán giá trị vốn nhà nước để bàn giao sang công ty cổ phần được hoàn tất theo Biên bản bàn giao ngày 18/09/2019. Tổng công ty đã nộp hồ sơ đăng ký giao dịch Upcom lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội trong năm 2020. Ngày 31/12/2020, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội có công văn số 2327/SGDHN-TĐNY yêu cầu Tổng công ty bổ sung hồ sơ theo quy định. Đến thời điểm hiện tại, Tổng công ty vẫn chưa hoàn tất việc đưa cổ phiếu vào đăng ký giao dịch tập trung.

Ngày 29/01/2021, UBCKNN có văn bản số 334/UBCK-GSDC yêu cầu Tổng công ty:

- Báo cáo về việc đáp ứng hay không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14.
- Nộp hồ sơ hủy đăng ký công ty đại chúng theo quy định tại Điều 39 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 và Khoản 6 Điều 310 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP nếu Tổng công ty không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng.

Căn cứ danh sách cổ đông chốt tại ngày 29/01/2021 (và không thay đổi cho đến thời điểm hiện tại), Tổng công ty có 133 cổ đông nắm giữ 71.300.000 cổ phần. Trong đó, có 128 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ 306.100 cổ phần, tương đương 0,4293% số cổ phần có quyền biểu quyết. Do đó, Tổng công ty Rau quả, Nông sản không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán và thuộc đối tượng phải nộp hồ sơ hủy đăng ký công ty đại chúng theo quy định nêu trên.

Do đó, Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần sẽ ngừng việc đăng ký giao dịch Upcom và thực hiện nộp hồ sơ hủy đăng ký công ty đại chúng trong vòng 90 ngày kể từ ngày 01/01/2021 theo đúng quy định.



- 15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Không có

- 16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần cam kết: “không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích” theo quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều 15 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam ban hành ngày 26/11/2019.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu phổ thông

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019		Năm 2020 (*)	% tăng/ giảm
	Công ty mẹ	Hợp nhất		
Tổng tài sản	5.574.382.530.780	5.629.798.716.357	2.568.663.202.203	(53,9%)
Doanh thu thuần	12.077.386.402.420	12.103.002.125.794	3.909.122.232.967	(67,6%)
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	45.770.431.328	48.022.445.500	37.341.808.748	(18,4%)
Lợi nhuận khác	(17.665.814.850)	(17.816.082.358)	(8.655.177.165)	(51,0%)
Lợi nhuận trước thuế	28.104.616.478	30.206.363.142	28.686.631.583	2,1%
Lợi nhuận sau thuế	25.747.149.448	27.301.976.661	28.686.631.583	11,4%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-	-
Tỷ lệ cổ tức	-	-	-	-

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019 - 2020 của VEGETEXCO

() Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.*

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành

❖ Thuận lợi

- Thương hiệu VEGETEXCO VIETNAM đã có uy tín trên thị trường ngành nông sản Việt Nam và thế giới.
- Đội ngũ lãnh đạo có tâm và nhiệt huyết, có kinh nghiệm quản lý lâu năm ở nhiều đơn vị và các dự án đầu tư.
- Tổng công ty có đội ngũ cán bộ, nhân sự có nhiều năm kinh nghiệm quản lý và am hiểu về thị trường.



- Có hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn ISO, HACCP,...
- Có sự hậu thuẫn vững mạnh về tài chính từ tập đoàn T&T Group.
- Tổng Công ty là thành viên của VCCI, Hiệp hội Rau quả Việt Nam, Hiệp hội Điều Việt Nam nên thường xuyên được các cơ quan này hỗ trợ trong công tác xúc tiến thương mại, tham gia các Hội chợ thực phẩm quốc tế lớn để có thể duy trì và tìm kiếm thêm các đối tác mới.
- Có mối quan hệ lâu năm với nhiều đối tác nước ngoài hoạt động trong lĩnh vực xuất nhập khẩu nông sản.

❖ **Khó khăn**

- Nguồn tài chính còn hạn chế để tài trợ cho việc mở rộng các hoạt động kinh doanh, chưa đáp ứng được nhu cầu để thực hiện theo định hướng phát triển doanh nghiệp trong những năm tiếp theo, do đó chưa tận dụng hết được những lợi thế sẵn có của Công ty.
- Một số cơ sở hạ tầng của công ty đã xuống cấp do sau gần 20 năm từ khi xây dựng đến nay chỉ được sửa chữa nhỏ, chắp vá. Máy móc thiết bị còn lạc hậu năng suất thấp, chưa đồng bộ.
- Thị phần và số khách hàng của Tổng công ty còn khiêm tốn
- Chưa xây dựng được chiến lược Marketing, truyền thông, PR hiệu quả.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Tổng Công ty có đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

a) Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ **Cơ cấu vốn chủ sở hữu của Công ty**

Đơn vị tính: đồng

TT	Nguồn vốn	31/12/2019		31/12/2020
		Công ty mẹ	Hợp nhất	
1	Vốn chủ sở hữu	773.532.796.899	828.402.063.025	779.181.562.623
	- <i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>713.000.000.000</i>	<i>713.000.000.000</i>	<i>713.000.000.000</i>
	- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</i>	<i>60.532.796.899</i>	<i>115.40.063.025</i>	<i>66.181.562.623</i>
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(*) Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.

❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019		31/12/2020
		Công ty mẹ (**)	Hợp nhất	
I	Tài sản ngắn hạn	3.796.169.052.652	3.796.169.052.652	1.639.342.750.001
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	174.569.932.195	3.799.897.478.909	80.041.637.347
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	228.230.828	228.230.828	13.240.087.929
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.225.537.816.493	3.225.537.816.493	1.510.936.368.965
4	Hàng tồn kho	374.490.312.299	374.490.312.299	18.451.063.921
5	Tài sản ngắn hạn khác	21.342.760.837	21.342.760.837	16.673.591.839
II	Tài sản dài hạn	1.778.213.478.128	1.829.901.237.448	929.320.452.202
1	Các khoản phải thu dài hạn	880.642.330.000	979.644.965.000	7.440.423.100
2	Tài sản cố định	33.974.411.105	33.974.411.105	31.714.146.896
3	Tài sản dở dang dài hạn	179.871.749.734	179.871.749.734	207.951.208.970
4	Đầu tư tài chính dài hạn	669.911.721.977	622.596.846.297	592.075.703.004
5	Tài sản dài hạn khác	13.813.265.312	13.813.265.312	90.138.970.232
	Tổng cộng	5.574.382.530.780	5.629.798.716.357	2.568.663.202.203

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(*) Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.

(**) Giá trị điều chỉnh lại tại ngày 01/01/2020 theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

Phần lớn nguồn vốn của Công ty được dùng để tài trợ cho tài sản ngắn hạn nhằm bổ sung vốn lưu động, đảm bảo khả năng thanh khoản. Nhìn chung, vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư các dự án.

b) Trích khấu hao Tài sản cố định

- Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc và các chi phí khác có liên quan trực tiếp mà Công ty đã bỏ ra đến thời điểm đưa tài sản cố định vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Đối với tài sản cố định khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng; thời gian khấu hao được tính theo khung thời gian quy định tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/04/2013, thời gian sử dụng ước tính cho mục đích tính toán này như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 50 năm
Máy móc, trang thiết bị	03 năm
Phương tiện vận tải	03 - 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03 năm
Phần mềm vi tính và tài sản khác	Không quá 10 năm

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2019

c) Mức lương bình quân Công ty mẹ

TT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng quỹ lương (đồng)	28.000.000.000	26.352.000.000
2	Tổng số lao động (người)	189	183
3	Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.345.679	12.000.000

Nguồn: VEGETEXCO

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động Tổng Công ty ở mức tương đối so với các doanh nghiệp cùng ngành.

d) Các khoản phải thu

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2019		31/12/2020
	Công ty mẹ	Hợp nhất	
Phải thu ngắn hạn	3.225.537.816.493	2.025.143.049.836	1.510.936.368.965



KHOẢN MỤC	31/12/2019		31/12/2020
	Công ty mẹ	Hợp nhất	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.692.716.982.038	2.692.716.982.038	932.634.762.331
Trả trước cho người bán ngắn hạn	99.549.589.134	99.549.589.134	51.895.799.182
Phải thu ngắn hạn khác	442.996.556.431	442.996.556.431	555.008.198.737
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.725.311.110)	(9.725.311.110)	(28.602.391.285)
Phải thu dài hạn	880.642.330.000	979.644.965.000	7.440.423.100
Tổng cộng	4.106.180.146.493	3.004.788.014.836	1.518.376.792.065

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(*) Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.

Các khoản phải thu quá hạn:

Tên khách hàng	Giá gốc tại ngày 31/12/2020	Giá trị có thể thu hồi (VNĐ)	Thời gian quá hạn (năm)
Chesapeake Import LLC	3.748.659.854	-	> 03
Công ty TNHH Thành Yên	588.012.703	-	> 03
Nhà máy chế biến TP xuất khẩu Bắc Giang	898.008.849	-	> 03
Công ty TNHH Hương Anh	479.948.299	-	> 03
Công ty liên doanh LUECO	1.370.244.949	-	> 03
CTCP Thực phẩm xuất khẩu Hưng Yên	572.549.294	-	> 03
Công ty TNHH Việt Nga	478.336.693	-	> 03
GOMES&GOMES S.A	36.880.249.061	18.440.125.061	01 – 02
Đối tượng khác	2.374.342.502	347.835.858	> 03
Tổng cộng	47.390.352.204	18.787.960.919	

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2020 của VEGETEXCO

e) Các khoản phải trả

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2019		31/12/2020
	Công ty mẹ	Hợp nhất	
Tổng nợ ngắn hạn	4.732.402.503.124	4.732.949.422.575	1.321.802.094.309
Phải trả người bán ngắn hạn	4.702.183.422.558	4.072.183.422.558	1.182.249.205.896
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	5.156.388.875	5.156.388.875	481.316.580
Thuế và các khoản phải nộp NN	13.154.005.946	13.700.925.397	2.450.740.979
Phải trả người lao động	1.156.441.500	1.156.441.500	1.037.197.487
Chi phí phải trả ngắn hạn	18.581.402.323	18.581.402.323	1.427.346.598
Phải trả ngắn hạn khác	14.882.190.383	14.882.190.383	694.075.730
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	602.800.000.000	602.800.000.000	129.440.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.488.651.539	4.488.651.539	4.022.211.039
Tổng nợ dài hạn	68.447.230.757	68.447.230.757	467.679.545.271
Tổng cộng	4.800.849.733.881	4.801.396.653.332	1.789.481.639.580

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(*) Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.

Tình hình thanh toán các khoản nợ:

Tổng công ty thực hiện tốt trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Căn cứ vào các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, Tổng công ty không có nợ phải trả quá hạn.

f) Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện nghiêm túc việc nộp thuế theo quy định của Nhà nước.

❖ Số dư các loại thuế phải nộp theo luật định

Đơn vị: đồng

KHOẢN MỤC	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Thuế giá trị gia tăng	14.827.819	19.792.123	5.363.039



KHOẢN MỤC	31/12/2018	31/12/2019	31/12/2020
Thuế xuất nhập khẩu	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.000.000.000	12.936.625.357	-
Thuế thu nhập cá nhân	370.137.554	197.588.466	210.609.557
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-
Thuế khác	2.234.768.383	-	2.234.768.383
Tổng cộng	2.619.733.756	13.154.005.946	2.450.740.979

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

g) Trích lập các quỹ

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Tổng công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Đơn vị: đồng

TT	Khoản mục	31/12/2019 (*)	31/12/2020
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.488.651.539	4.022.211.039
	Tổng cộng	4.488.651.539	4.022.211.039

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(**)Giá trị điều chỉnh lại tại ngày 01/01/2020 theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020

h) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Không có.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019 (Công ty mẹ)	Năm 2019 (Hợp nhất)	Năm 2020
<u>Khả năng thanh toán</u>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,80	0,80	1,24

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019 (Công ty mẹ)	Năm 2019 (Hợp nhất)	Năm 2020
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,72	0,72	1,23
<u>Cơ cấu vốn</u>				
Nợ/Tổng tài sản	%	86,12	85,29	69,67
Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	620,64	579,60	229,66
<u>Năng lực hoạt động</u>				
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Lần	2,17	2,15	1,52
Vòng quay vốn lưu động (Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân)	Lần	3,94	3,93	1,44
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	42,61	38,59	19,82
<u>Khả năng sinh lời</u>				
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	%	0,23	0,23	0,73
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn kinh doanh (ROA) (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	%	0,59	0,57	0,70
Hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	%	3,69	3,62	3,70
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng/ cổ phần	394,2	382,9	402,3

Nguồn: Tính toán theo BCTC kiểm toán năm 2019, 2020 của VEGETEXCO

(*) Năm 2020, VEGETEXCO thực hiện thoái toàn bộ vốn tại Công ty TNHH Rau quả và Nông sản Châu Phi, do đó, năm 2020, Tổng Công ty không lập BCTC hợp nhất.

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

➤ BCTC năm 2019:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các

khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

➤ **BCTC năm 2020:**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

Dựa trên những thành quả mà Tổng công ty đã đạt được trong những năm quá khứ và dự báo sự phát triển của thị trường, Ban lãnh đạo Tổng công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

<u>Nội dung</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2025</u>
Tổng doanh thu bán hàng	4.324.749,80	4.852.577,63	6.842.284,91	6.429.337,61	7.517.670,77
Doanh thu thuần	4.324.749,80	4.852.577,63	6.842.284,91	6.429.337,61	7.517.670,77
Giá vốn hàng bán	(4.036.533,73)	(4.487.806,18)	(5.910.916,11)	(5.812.257,77)	(6.780.827,40)
Lợi nhuận gộp về bán hàng	288.216,07	364.771,45	931.368,81	617.079,84	736.843,37
Doanh thu hoạt động tài chính	30.000	35.000	35.000	35.000	35.000
Chi phí tài chính	(65.308,35)	(88.118,53)	(118.666,82)	(164.695,99)	(236.855,14)
Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp	(98.679,91)	(105.229,19)	(255.396,59)	(195.993,09)	(203.148,97)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	154.227,81	206.423,73	592.305,40	291.390,76	331.839,26
Lợi nhuận trước thuế	154.227,81	206.423,73	592.305,40	291.390,76	331.839,26

<u>Nội dung</u>	<u>Năm 2021</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2025</u>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(32.353,25)	(43.849,75)	(122.911,14)	(63.809,62)	(73.807,87)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	121.874,56	162.573,98	469.394,26	227.581,14	258.031,39

Nguồn: Kế hoạch do Ban lãnh đạo Công ty xây dựng và được thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường 2021 của VEGETEXCO

Ghi chú: Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 sẽ được HĐQT trình ĐHĐCĐ gần nhất

❖ Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên:

Để thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2021-2025, HĐQT công ty sẽ chỉ đạo việc thực hiện kế hoạch SXKD theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 đề ra, đồng thời đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát nhằm nâng cao hiệu quả SXKD, bảo toàn và phát triển vốn. Với các biện pháp, giải pháp cụ thể như sau:

a. Trong hoạt động kinh doanh

- Đẩy mạnh các đầu mối kinh doanh, đa dạng hóa các dịch vụ nhằm tăng doanh thu và hiệu quả của hoạt động kinh doanh.
- Duy trì sản lượng và nâng cao sản lượng sản xuất.
- Đẩy mạnh ký kết các hợp đồng có giá trị lớn, thành phẩm chất lượng cao.

b. Trong hoạt động sản xuất:

- Nghiên cứu đẩy mạnh công nghệ, tiếp cận các công nghệ sản xuất mới trên thế giới, tối ưu hóa năng suất, chi phí đầu ra sản phẩm
- Chuẩn hóa các quy trình sản xuất, kiểm tra chất lượng thành phẩm
- Nâng cao vai trò trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ tại các đơn vị trực tiếp tham gia vào quá trình sản xuất, tác nghiệp.

c. Trong quản lý điều hành

- Rà soát toàn bộ các chi phí: cắt giảm và loại bỏ những chi phí không cần thiết, đồng thời đưa chủ trương trong toàn công ty giảm chi phí tối đa trong tất cả các hoạt động: văn phòng phẩm, điện nước,... nhằm giảm chi phí hoạt động cho Tổng Công ty.
- Cơ chế giao việc gắn với trách nhiệm của nhân sự, có khối lượng, đầu việc và thời gian cụ thể. Đánh giá hiệu quả làm việc trên cơ sở kết quả cụ thể và mức độ hoàn thành.
- Các nghiệp vụ phát sinh hàng ngày phải chuẩn hóa theo các quy trình quy chế, tạo sự thống nhất trong quản lý điều hành. Tiếp tục hoàn thiện các văn bản định chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình phối hợp, chức năng nhiệm vụ, mô tả công việc đối với các phòng ban chưa được ban hành.

- Đẩy mạnh các phong trào thi đua, sáng kiến: tạo sự gắn bó, đoàn kết và nâng cao năng suất lao động trong toàn công ty.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá nhằm nâng cao ý thức của người lao động.

5. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2021 – 2025 được Tổng công ty xây dựng dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh các năm quá khứ, cùng với việc phân tích chi tiết thị trường giai đoạn trên. Có thể thấy, ban lãnh đạo của Tổng Công ty đã có những nỗ lực tìm ra hướng đi mới, đẩy mạnh vào công nghệ sản xuất sản phẩm, giảm thiểu chi phí để tăng năng suất sản phẩm. Đồng thời đầu tư vào 2 dự án bất động sản có tiềm năng trong tương lai, có thể coi là bước đi đúng đắn đối với VEGETEXCO trong giai đoạn sắp tới.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần là doanh nghiệp được hình thành từ cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước và không có cổ đông sáng lập khi chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Khi thực hiện cổ phần hóa, VEGETEXCO có 3 cổ đông chiến lược thực hiện mua cổ phần là Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (tỷ lệ sở hữu 35%) và Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (tỷ lệ sở hữu 15%) và Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ (tỷ lệ sở hữu 10%).

Theo quy định, số cổ phần của các nhà đầu tư chiến lược bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 5 năm kể từ ngày VEGETEXCO được cấp giấy chứng nhận hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần (04/01/2016). Đến năm 2018, Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua chủ trương cho cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ được thoái vốn trước thời hạn. Theo đó, tháng 8/2018, Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủ công mỹ nghệ đã thoái toàn bộ vốn góp tại VEGETEXCO.

Đến ngày 04/01/2021, số cổ phần của 2 cổ đông chiến lược còn lại gồm Công ty cổ phần Tập đoàn T&T (tỷ lệ sở hữu 35%) và Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội (tỷ lệ sở hữu 15%) đã hết thời hạn hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Tại thời điểm 26/01/2021		Dự kiến sau đợt chào bán	
		Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ	Số lượng CP	Tỷ lệ nắm giữ
1.	Công ty CP Tập đoàn T&T	24.955.000	35%	49.910.000	35%
2.	Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội	10.695.000	15%	21.390.000	15%
3.	Công ty CP Cảng Quảng Ninh	8.717.691	12,2%	17.435.382	12,2%
4.	Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	15.802.409	22,2%	31.604.818	22,2%
5.	Tổng công ty CP Bảo hiểm Hàng không (VNI)	10.823.800	15,18%	21.647.600	15,18%
	Tổng	70.993.900	99,57%	141.987.800	99,57%

Nguồn: VEGETEXCO

❖ Công ty CP Tập đoàn T&T:

Năm thành lập: 1993



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Giấy ĐKKD số 0100233223 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 19 ngày 05/09/2018

Địa chỉ trụ sở chính: Số 18 Hàng Chuối, phường Phạm Đình Hồ, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
Vốn điều lệ: 15.000.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Quang Hiến – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm TGD

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Mai Xuân Sơn – Chủ tịch HĐQT VEGETEXCO

Các giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết nhưng chưa thực hiện giữa VEGETEXCO và Công ty cổ phần Tập đoàn T&T:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh 01012017/TT-VEG/120DC giữa Tổng Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn T&T ngày 01/01/2017 về việc hai bên cùng góp vốn đầu tư thực hiện "Dự án tòa nhà thương mại, dịch vụ văn phòng cho thuê và nhà ở 120 Định Công" có địa chỉ tại số 120 phố Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội. Tổng số vốn mà Tổng Công ty thực hiện góp cho dự án này là 500.000.000.000 đồng chẵn. Công ty cổ phần Tập đoàn T&T góp 350.000.000.000 đồng chẵn. Kết thúc dự án, hai bên sẽ phân chia lợi nhuận theo tỷ lệ vốn góp thực tế phát sinh.

Danh sách người có liên quan đến Công ty cổ phần Tập đoàn T&T – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại VEGETEXCO	Tỷ lệ sở hữu
1.	Đỗ Quang Hiến	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc	010142347	0	0%
2.	Lê Thị Thanh	Thành viên HĐQT	036135000376	0	0%
3.	Mai Xuân Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	B5998308	0	0%
4.	Đỗ Vinh Quang	Thành viên HĐQT	013185827	0	0%
5.	Nguyễn Tất Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	011565204	0	0%
6.	Nguyễn Thị Thanh Bình	Phó TGD	017182000021	0	0%
7.	Nguyễn Anh Tuấn	Phó TGD	001071000607	0	0%
8.	Nguyễn Mạnh Hùng	Giám đốc Ban Kế toán kiêm Kế toán trưởng	013142016	0	0%

Nguồn: VEGETEXCO



❖ **Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội:**

Năm thành lập: 2008

Giấy phép thành lập và hoạt động số 56 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 10/12/2008; Giấy phép điều chỉnh số 56/GPĐC/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 16/07/2020.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 86 Bà Triệu, phường Hàng Bài, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Trung Kiên - Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Vũ Đức Trung – Thành viên HĐQT VEGETEXCO

Danh sách người có liên quan đến Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại VEGETEXCO	Tỷ lệ sở hữu
1.	Đỗ Quang Hiển	Chủ tịch HĐQT	010142347	0	0%
2.	Bùi Trung Kiên	Thành viên HĐQT kiêm TGD	027072000101	0	0%
3.	Vũ Đức Tiến	Thành viên HĐQT	013231095	0	0%
4.	Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	012031366	0	0%
5.	Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	011965811	0	0%
6.	Nguyễn Thị Ngân	Kế toán trưởng	030184000353	0	0%

Nguồn: VEGETEXCO

❖ **Công ty CP Cảng Quảng Ninh:**

Năm thành lập: 2008

Giấy ĐKKD số 5700100231 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp thay đổi lần 3 ngày 31/12/2020

Địa chỉ trụ sở chính: Số 1, đường Cái Lân, Phường Bãi Cháy, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh

Vốn điều lệ: 750.499.360.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Quang Đạo – Chức vụ: thành viên HĐQT kiêm TGD

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Không có

Danh sách người có liên quan đến Công ty cổ phần Cảng Quảng Ninh – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại VEGETEXCO	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch HĐQT	111535338	0	0%
2	Bùi Quang Đạo	Thành viên HĐQT kiêm TGD	030063004675	0	0%
3	Phạm Công Đoàn	Thành viên HĐQT	037057000017	0	0%
4	Nguyễn Phú Quân	Thành viên HĐQT	001082024808	0	0%
5	Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên HĐQT	012909287	0	0%
6	Nguyễn Tư Thịnh	Kế toán trưởng	022074001829	0	0%

Nguồn: VEGETEXCO

❖ **Công ty TNHH Nông nghiệp T&T:**

Năm thành lập: 2014

Giấy ĐKKD số 0106534280 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 5 ngày 04/01/2017

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 Phạm Sư Mạnh, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Đỗ Ngọc Khanh – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Không có

Danh sách người có liên quan đến Công ty TNHH Nông nghiệp T&T – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại VEGETEXCO	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Ngọc Khanh	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc	111535338	0	0%
2	Đinh Thị Hào	Kế toán trưởng	038184000745	0	0%

Nguồn: VEGETEXCO

❖ **Tổng công ty CP Bảo hiểm Hàng không:**

Năm thành lập: 2008

Giấy phép thành lập và hoạt động số 49/GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 23/04/2008; Giấy



phép điều chỉnh số 49/GPĐC/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 18/01/2021

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 15- Tòa nhà Geleximco- 36 Hoàng Cầu- Đống Đa- Hà Nội

Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng

Người đại diện theo pháp luật: Trần Trọng Dũng – Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD

Người đại diện theo ủy quyền tại VEGETEXCO: Không có

Danh sách người có liên quan đến Tổng công ty CP Bảo hiểm Hàng Không – cổ đông lớn

TT	Họ và tên	Quan hệ với cổ đông lớn	CMND	Số CP sở hữu tại VEGETEXCO	Tỷ lệ sở hữu
7.	Lê Thị Hà Thanh	Chủ tịch HĐQT	010969717	0	0%
8.	Trần Trọng Dũng	Thành viên HĐQT kiêm TGD	100444381	0	0%
9.	Nguyễn Thành Quang	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD	111555768	0	0%
10.	Trần Sỹ Tiến	Thành viên HĐQT	001073006439	0	0%
11.	Nguyễn Ngọc Nghị	Thành viên HĐQT	001075002541	0	0%
12.	Nguyễn Hoàng Mai	Kế toán trưởng	038076000100	0	0%

Nguồn: VEGETEXCO

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông: Mai Xuân Sơn	Chủ tịch HĐQT
2	Ông: Lê Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3	Ông: Lưu Nguyễn Chí Nhân	Thành viên HĐQT
4	Ông: Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD
5	Ông: Vũ Đức Trung	Thành viên HĐQT

Các thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị như sau:

a) Ông Mai Xuân Sơn - Chủ tịch HĐQT

1. Họ và tên: Mai Xuân Sơn
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 25/07/1974
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 23A Tổ 29 Cụm 5 Ngoc Hà, Ba Đình Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 001074024221
8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: CTCP Tập đoàn T&T (Phó Tổng Giám đốc); CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (Thành viên HĐQT); CTCP Dệt kim Hà Nội (Thành viên HĐQT); CTCP Kinh doanh và Đầu tư Việt Hà (Thành viên HĐQT kiêm TGD); CTCP Điện cơ Thống Nhất (Thành viên HĐQT)
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1996-1998	Công ty TNHH Siêu Thanh	Nhân viên KD
1999-2000	Công ty TNHH Hoàng Đạo	Nhân viên KD
2000-nay	Tập đoàn T&T	Cán bộ XNK, Phó TGD
2014-nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – HN	Thành viên HĐQT
2014-2018	Công ty XNK Thủ công mỹ nghệ	Chủ tịch HĐQT
2015-2019	CTCP Thủy sản Hà nội – Cần Thơ	Chủ tịch HĐQT
2016-nay	CTCP Dệt kim HN	Thành viên HĐQT
2017-nay	CTCP Kinh doanh và đầu tư Việt Hà	Thành viên HĐQT, TGD
2018-nay	CTCP Điện cơ Thống nhất	Thành viên HĐQT
05/2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: 24.955.000 cổ phần, tương đương 35% vốn điều lệ của Tổng Công ty (đại diện sở hữu cho CTCP Tập đoàn T&T)

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Chủ tịch HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Ông Lê Anh Dũng - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Lê Anh Dũng

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 04/02/1983

4. Nơi sinh: Nam Định

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Hồng Quang, Nam Trực, Nam Định

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 036083009816

8. Điện thoại liên hệ: 02462695666

9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Tổng Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: CTCP Tập đoàn T&T (Giám đốc Ban Nông lâm thủy sản)

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2005 – nay	Công ty CP Tập đoàn T&T	Giám đốc ban
2012 – 2017	Công ty TNHH MTV T&T Agri	Giám đốc
2014 – 2015	Công ty TNHH Phân phối T&T	Giám đốc
2015 – 6/2020	Công ty Thịnh Phát	Giám đốc
2018 – 2019	Công ty TNHH Tvita	Tổng giám đốc
06/2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT và Tổng giám đốc

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Ông Lưu Nguyễn Chí Nhân - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Lưu Nguyễn Chí Nhân

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 28/1/1976

4. Nơi sinh: Hà Nội

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 30 Nguyễn Huy Tự, Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 001076025171

8. Điện thoại liên hệ: 02462695666

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ngân hàng

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: CTCP Tập đoàn T&T (Phó Giám đốc Ban Nông lâm thủy sản); Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu (thành viên HĐQT); Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội (Chủ tịch HĐQT); Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM (thành viên HĐQT)

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2002 – 2004	Công ty TNHH Ford Việt Nam	Giám sát tài chính
2004-2006	Tập đoàn Technocom VN	Phụ trách Tài chính
2006-2007	Ngân hàng CP TM Xăng dầu Petrolimex	Giám đốc Tài chính
2007-2008	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội	Phó ban thành lập Công ty Quản lý Quỹ đầu tư SHF
2013-2017	CTCP Quản lý Quỹ Đầu tư Sài Gòn – Hà Nội	Phó tổng giám đốc/GĐ đầu tư
2015-2019	CTCP Quang Đức Kon Tum	Thành viên HĐQT
4/2020 – nay	CTCP Tập đoàn T&T	Phó giám đốc Ban quản lý



		Nông lâm Thủy sản
05/2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên HĐQT
06/2020 - nay	Công ty cổ phần In và Bao bì Mỹ Châu	Thành viên HĐQT
10/2020 - nay	Công ty TNHH Liên doanh Crown Hà Nội	Chủ tịch HĐQT
01/2021 - nay	Công ty cổ phần Quản lý Quỹ BVIM	Thành viên HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

1. Họ và tên: Nguyễn Việt Cường

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 14/11/1985

4. Nơi sinh: Bắc Ninh

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: P416, nhà C11 tập thể Thanh Xuân Bắc, Thanh Xuân, HN

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 013645900

8. Điện thoại liên hệ: 02462695666

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế, Cử nhân Luật

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: CTCP Bia và Nước giải khát Việt Hà (Thành viên HĐQT); CTCP Dược phẩm Hà Nội (Chủ tịch HĐQT)

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2009 – 2012	CTCP Chứng khoán Trảng An	Chuyên viên TVTC

2012 – 2013	Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Viettinbank	Chuyên viên phòng phân tích đầu tư
2014 – 2015	Thanh tra Tỉnh Bắc Ninh	Chuyên viên phòng nghiệp vụ
2015 – nay	CTCP Tập đoàn T&T	Chuyên viên văn phòng HĐQT
2016 – 04/2020	CTCP Xuất nhập khẩu Rau quả 1	Thành viên HĐQT
2018 – nay	CTCP Bia và Nước giải khát Việt Hà	Thành viên HĐQT
05/2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên HĐQT
12/2020 - nay	CTCP Dược phẩm Hà Nội	Chủ tịch HĐQT

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, tương ứng với 0% vốn điều lệ của Tổng Công ty

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

e) Ông Vũ Đức Trung - Thành viên HĐQT

1. Họ và tên: Vũ Đức Trung

2. Giới tính: Nam

3. Ngày sinh: 25/12/1980

4. Nơi sinh: Duy Tiên, Hà Nam

5. Quốc tịch: Việt Nam

6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Tập thể Bệnh viện Đường Sắt, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội

7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 011965811

8. Điện thoại liên hệ: 02462695666

9. Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội

(Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc); Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long (Trưởng Ban kiểm soát); CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (thành viên Ban kiểm soát)

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2003-2007	Công ty Kiểm toán Việt Nam	Nhân viên
2007-2009	Công ty CP Chứng khoán Seabank	Phó phòng
2009-2012	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Trưởng phòng TVTC
12/2013 – nay	Tổng công ty CP Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
2014 - nay	Tổng Công ty Xây dựng Thăng Long	Trưởng Ban Kiểm soát
06/2018 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên HĐQT
2012 - nay	CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội	Thành viên Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: 10.695.000 cổ phần, tương đương với 15% vốn điều lệ của Tổng công ty (đại diện cho Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Sài Gòn – Hà Nội)

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên HĐQT

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3.2. Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Mạnh Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát
2	Đinh Thị Hào	Thành viên Ban kiểm soát
3	Trần Văn Quỳnh	Thành viên Ban kiểm soát

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban kiểm soát như sau:

a) Ông Nguyễn Mạnh Hoàng – Trưởng Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Nguyễn Mạnh Hoàng
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 31/01/1989
4. Nơi sinh: Thái Nguyên
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 63, Tổ 18, Thị trấn Chùa Hang, Huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 091563273
8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2010-2016	Delloite Việt Nam	Kiểm toán viên
2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Trưởng Ban Kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: Không
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Trưởng Ban Kiểm soát
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

b) Bà Đinh Thị Hảo - Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Đinh Thị Hảo
2. Giới tính: Nữ
3. Ngày sinh: 16/08/1984
4. Nơi sinh: Thanh Hóa
5. Quốc tịch: Việt Nam



6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Thôn Văn, Thanh Liệt, Thanh Trì, Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 038184000745
8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban Kiểm soát
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Công ty TNHH Nông nghiệp T&T – Kế toán trưởng
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2007-2015	Công ty TNHH Hiệp Phong	Kế toán trưởng
2015-nay	Công ty TNHH Nông nghiệp T&T	Kế toán trưởng
2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: Không
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát
17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

c) Ông Trần Văn Quỳnh - Thành viên Ban Kiểm soát

1. Họ và tên: Trần Văn Quỳnh
2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 21/10/1985
4. Nơi sinh: Hà Nội
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 2 Ngõ 219 Trường Chinh, phường Khương Mai, quận Thanh Xuân, Hà Nội
7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 001085018447
8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát

11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
2008-2017	CTCP liên hiệp XNK và Đầu tư Hà Nội	Phó phòng kế toán
2017-2018	Tổng CTCP Bảo hiểm Bảo Long	Trưởng phòng Kế toán
2018-nay	CTCP Tập đoàn T&T	Chuyên viên Kế toán
2020 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Thành viên Ban kiểm soát

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không

14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:

- Sở hữu cá nhân: Không

- Sở hữu đại diện: Không

- Sở hữu của người có liên quan: Không

15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không

16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao Thành viên BKS

17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3.3. Danh sách Ban Tổng Giám đốc và các chức danh Quản lý khác

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Anh Dũng	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Nguyễn Việt Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Anh Kha	Phó Tổng Giám đốc
4	Nguyễn Thị Linh	Kế toán trưởng

Các thông tin liên quan đến các thành viên Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng như sau:

a) Ông Lê Anh Dũng – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

(Thông tin tại mục Thành viên HĐQT)

b) Ông Nguyễn Việt Cường - Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Thông tin tại mục Thành viên HĐQT)

c) Ông Trần Anh Kha – Phó Tổng Giám đốc

1. Họ và tên: Trần Anh Kha



2. Giới tính: Nam
3. Ngày sinh: 08/02/1983
4. Nơi sinh: TP. Hồ Chí Minh
5. Quốc tịch: Việt Nam
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: 528 Huỳnh Tấn Phát, P.Bình Thuận, Quận 7, Tp.HCM
7. CCCD: 080083000588
8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
9. Trình độ chuyên môn: Đại học
10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: CTCP Xuất nhập khẩu hạt điều và hàng nông sản thực phẩm TP. HCM (Tổng giám đốc)
12. Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/2004 đến 11/2007	Công ty TNHH Nam Hà Việt	Phó phòng Xuất nhập khẩu
Từ 11/2007 đến nay 8/2011	Pargan Singapore Pte Ltd	Trưởng phòng Kinh Doanh
Từ 8/2011 đến nay 5/2016	Opon Investments Ltd	Trưởng Văn phòng đại diện tại Việt Nam
Từ 5/2016 đến nay 11/2017	Gotec Commodities (Vietnam) CO., Ltd	CEO
Từ 1/2018 đến nay 10/2019	Tata International Vietnam Co., Ltd	Giám đốc Kinh doanh nông sản
Từ 11/2019 đến nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần	P.TGD, kiêm P.GĐ chi nhánh Điều Bình Phước,
Từ 11/2019 đến nay	CTCP Xuất nhập khẩu hạt điều và hàng nông sản thực phẩm TP. HCM	Tổng giám đốc

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: Không
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không



16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Tiền lương theo chức danh Phó Tổng giám đốc
 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

d) Bà Nguyễn Thị Linh – Kế toán trưởng

1. Họ và tên: Nguyễn Thị Linh
 2. Giới tính: Nữ
 3. Ngày sinh: 02/03/1976
 4. Nơi sinh: Hà Nội
 5. Quốc tịch: Việt Nam
 6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay: Số 1 Lê Phụng Hiểu, phường Tràng Tiền, Hoàn Kiếm, HN
 7. Chứng minh thư nhân dân/CCCD số: 111545353
 8. Điện thoại liên hệ: 02462695666
 9. Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
 10. Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
 11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
 12. Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi làm việc	Chức vụ
1998 – 2003	Tổng công ty Nông sản và Thực phẩm chế biến (VINAFIMEX)	Kế toán viên
2003 – 2015	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty TNHH MTV	Phó phòng KTTC, Kế toán trưởng
2016 – nay	Tổng công ty Rau quả, Nông sản – CTCP	Kế toán trưởng

13. Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Sở hữu cá nhân: Không
 - Sở hữu đại diện: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
 15. Các khoản nợ đối với Công ty: Không
 16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Tiền lương theo chức danh Kế toán trưởng
 17. Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá cổ phiếu

10.000 đồng (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

71.300.000 cổ phiếu

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

713.000.000.000 đồng

5. Giá chào bán dự kiến

25.000 đồng/ cổ phiếu

6. Phương pháp tính giá

• Nguyên tắc, căn cứ xác định giá chào bán

- Giá trị thị trường của cổ phiếu Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần: Hiện tại, cổ phiếu của Tổng công ty chưa được đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán tập trung nên chưa có giá thị trường để làm cơ sở tham chiếu.
- Giá trị sổ sách cổ phiếu Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần tại thời điểm 30/6/2020: 11.632 đồng/cổ phiếu.
- Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 122816/CT-VVFC/BAN3 ngày 28/12/2020 do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) ban hành (Sau đây gọi là Chứng thư định giá), giá trị cổ phiếu của Tổng công ty Rau quả, Nông sản – Công ty cổ phần được xác định tại thời điểm 30/06/2020 là: 25.530 đồng/cổ phiếu. Trong đó:

TT	Phương pháp định giá	Giá trị 01 cổ phần	Tỷ trọng
1	Phương pháp tài sản	25.500	70%
2	Phương pháp tỷ số bình quân (P/B, P/E, P/S)	25.600	30%
	Bình quân	25.530	100%

• Xác định giá chào bán

Trên cơ sở Chứng thư định giá và căn cứ nhu cầu huy động vốn của Tổng công ty, Hội đồng quản trị đề xuất mức giá chào bán là: **25.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- Đợt chào bán không có tổ chức bảo lãnh phát hành.
- Việc phân phối cổ phiếu được thực hiện tại trụ sở Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần.

- Tỷ lệ thực hiện quyền: 1:1.

Cổ phiếu phát hành thêm sẽ được phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1, theo đó căn cứ vào ngày chốt danh sách phân bổ quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu 01 cổ phần tương ứng sẽ được hưởng 01 quyền mua và cứ 01 quyền mua sẽ được mua 01 cổ phiếu phát hành thêm. Số lượng cổ phần được quyền mua thêm được tính theo công thức: Số cổ phần được mua thêm = (Số quyền mua : 1) x 1).

Ví dụ: Vào ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phần mới phát hành thêm, cổ đông Nguyễn Văn A hiện đang sở hữu 599 cổ phần. Khi đó, cổ đông A sẽ được mua số cổ phần mới phát hành thêm tương ứng là $(599 : 1) \times 1 = 599$ cổ phần.

- Phương án xử lý cổ phiếu còn dư do cổ đông không thực hiện quyền (nếu có):

Số cổ phiếu không chào bán hết do cổ đông hiện hữu từ chối mua một phần hoặc toàn bộ trong đợt chào bán sẽ được Hội đồng quản trị thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với điều kiện chào bán, điều kiện về quyền, nghĩa vụ của nhà đầu tư không thuận lợi hơn so với điều kiện chào bán cho cổ đông hiện hữu (trong đó bao gồm mức giá chào bán không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu), hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, và đảm bảo tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và đảm bảo các điều kiện khác theo quy định tại Điều 195 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác có liên quan của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của pháp luật (bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có), nếu vẫn còn cổ phần chưa phân phối hết thì số cổ phần chưa phân phối hết này được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua tối thiểu của 01 nhà đầu tư: 01 cổ phiếu
- Tỷ lệ chào bán thành công: tối thiểu 70% (cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư phải đạt tối thiểu là 70% số cổ phiếu dự kiến chào bán). Trong trường hợp thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán cổ phiếu để thực hiện dự án, Hội đồng quản trị sẽ xem xét huy động nguồn vốn vay từ các tổ chức, cá nhân để bổ sung hoặc sử dụng linh hoạt các nguồn vốn hiện có.
- Phương thức đăng ký và thanh toán tiền mua cổ phần: Việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Tổng công ty Rau quả, Nông sản - công ty cổ phần.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

Tổng công ty dự kiến lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
1	Nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN	D
2	Công bố thông tin theo quy định	D đến D+7

STT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến thực hiện
3	Chốt danh sách cổ đông được thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D + 12
4	Chuyển nhượng quyền mua	D + 24 đến D + 38
5	Đăng ký và nộp tiền mua cổ phần	D + 24 đến D + 44
6	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu không chào bán hết	D+45 đến D+55
7	Thực hiện bán và xử lý đối với số cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu không mua hết	D + 56 đến D + 64
8	Báo cáo kết quả chào bán	D+65
9	Thời gian chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán

Lưu ý:

- Thời gian trên chỉ là dự tính, thời gian thực tế phụ thuộc vào quá trình thụ lý và xét duyệt hồ sơ của các cơ quan chức năng và có thể thay đổi tùy theo tình hình thực tế tại thời điểm thực hiện
- D là ngày nhận được giấy chứng nhận phát hành cổ phiếu ra công chúng của UBCKNN

10. Phương thức thực hiện quyền

❖ Điều kiện thực hiện quyền

Các cổ đông hiện hữu thuộc Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua.

❖ Thời gian thực hiện quyền

Trong thời hạn tối thiểu 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách sở hữu cuối cùng sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định.

❖ Quyền lợi của người sở hữu quyền mua cổ phiếu

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục VII.9.

Quyền mua cổ phần được phép chia nhỏ để chuyển nhượng cho nhiều nhà đầu tư khác nhau theo giá thỏa thuận giữa hai bên và chỉ được phép chuyển nhượng 01 lần. Bên nhận chuyển nhượng không được chuyển nhượng tiếp cho bên thứ ba.



Trường hợp chuyển nhượng quyền mua của các cổ đông lớn dẫn đến tỷ lệ sở hữu của bên nhận chuyển nhượng vượt quá quy định về chào mua công khai thì việc nhận chuyển nhượng quyền mua và mua cổ phần của đợt chào bán này không phải thực hiện chào mua công khai cổ phiếu. Các đối tượng nhận chuyển nhượng quyền mua phải công bố thông tin về giao dịch cổ phiếu theo quy định liên quan.

Kết thúc thời gian thực hiện quyền, nếu quyền mua không được thực hiện một phần hoặc toàn bộ, tất cả các quyền lợi liên quan đến phần quyền mua không được thực hiện sẽ đương nhiên chấm dứt và tổ chức phát hành không phải thanh toán cho người sở hữu quyền mua bất cứ một khoản chi phí nào, cũng như không chịu bất cứ trách nhiệm nào trong việc không thực hiện quyền mua của cổ đông.

❖ Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt chào bán, Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Tổng công ty.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

Toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện quyền sẽ được tự do chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua được chào bán cho đối tượng khác bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Số tài khoản: 1017933923

Mở tại: Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, Chi nhánh Hàn Thuyên

Người thụ hưởng: Tổng công ty Rau quả, Nông sản - Công ty cổ phần

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Tổng công ty Rau quả, nông sản – CTCP không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà phát luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Đợt chào bán bị hủy bỏ trong trường hợp số lượng cổ phiếu được bán cho các nhà đầu tư không đạt tối thiểu 49.910.000 cổ phiếu (tương đương 70% số lượng cổ phiếu chào bán).

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày đợt chào bán chứng khoán ra công chúng bị hủy bỏ theo quyết định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng công ty phải công bố việc hủy bỏ chào bán chứng khoán ra công chúng trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.

Tổng công ty thu hồi cổ phiếu đã phát hành, đồng thời hoàn trả tiền cho nhà đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày đợt chào bán bị hủy bỏ. Trong trường hợp hết thời hạn nêu trên mà Tổng công ty không hoàn trả tiền cho nhà đầu tư, Tổng công ty phải bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư theo mức phạt trả chậm với lãi suất trả chậm là 10%/năm.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty theo quy định của pháp luật: 0%

Cổ phiếu của Tổng công ty chưa được đăng ký lưu ký tập trung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam. Theo Danh sách cổ đông chốt tại ngày 25/02/2021, Tổng công ty có 133 cổ đông, trong đó không có cổ đông nước ngoài. Đối tượng chào bán của đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 713 tỷ đồng lên 1.426 tỷ đồng là cổ đông hiện hữu (Cổ đông hiện hữu được mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 1:1).

Để đảm bảo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổng công ty đúng quy định tại Khoản 1 Điều này, Tổng công ty không xác nhận chuyển nhượng cổ phần/chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài, cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng cổ phần/chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho nhà đầu tư trong nước.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trường hợp không có nhà đầu tư nước ngoài và các cổ đông đều thực hiện quyền theo tỷ lệ thì sau khi kết thúc đợt phát hành, Tổng công ty vẫn đảm bảo tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng công ty là 0%.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, trường hợp không có nhà đầu tư nước ngoài nhưng phát sinh cổ phiếu còn dư do cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền thì Hội đồng quản trị sẽ chỉ phân phối số cổ phiếu còn dư này cho nhà đầu tư trong nước khác.

Đối với các trường hợp phát sinh khác, trong quá trình phân phối cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phân phối cổ phiếu còn dư của đợt chào bán, Hội đồng quản trị sẽ đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài là 0%.

16. Các loại thuế có liên quan

Các cổ đông sẽ phải chịu thuế thu nhập khi có thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, nhận cổ tức ... theo các quy định hiện hành của luật thuế Thu nhập cá nhân, luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

a) Đối với nhà đầu tư cá nhân

Theo quy định tại Điều 3 Luật Thuế thu nhập cá nhân số 26/2012/QH13, ban hành ngày 22/11/2012 và Điều 3 Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ban hành ngày 27/06/2013 của Chính phủ về các khoản thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân bao gồm: thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức) và thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán). Mức thuế suất đối với từng loại như sau:

- Thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn (lợi tức cổ tức): 5%.
- Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn (thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán)

được xác định như sau:

- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% tính trên lãi chuyển nhượng.
- Trường hợp người chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% tính trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần và không phân biệt việc chuyển nhượng được thực hiện tại Việt Nam hay tại nước ngoài.
- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá trị chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

➤ Kỳ tính thuế:

- Kỳ tính thuế đối với cá nhân không cư trú được tính theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với tất cả thu nhập chịu thuế.
- Kỳ tính thuế đối với cá nhân cư trú được quy định như sau: Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập áp dụng đối với thu nhập từ đầu tư vốn; thu nhập từ chuyển nhượng vốn. Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán.

b) Đối với nhà đầu tư tổ chức

Nhà đầu tư là tổ chức đăng ký kinh doanh tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế đóng trên phần chênh lệch giá khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế thu nhập từ chênh lệch giá do bán cổ phiếu = Thu nhập chịu thuế x Thuế suất

Trong đó:

- Thu nhập chịu thuế = Tổng giá trị chứng khoán bán ra trong kỳ - Tổng giá mua chứng khoán được bán ra trong kỳ - Chi phí mua bán chứng khoán + Lãi trái phiếu từ việc nắm giữ trái phiếu.
- Thuế suất = Thuế suất thuế TNDN của tổ chức đầu tư.

Nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài không có đăng ký kinh doanh tại Việt Nam, chỉ mở tài khoản giao dịch chứng khoán tại Việt Nam phải chịu một khoản thuế khoán khi bán cổ phiếu như sau:

Thuế khoán từ việc bán cổ phiếu = Tổng giá trị cổ phiếu bán ra của từng giao dịch chuyển nhượng x 0,1%

17. Thông tin về các cam kết

Số cổ phiếu được phát hành thêm sẽ được Tổng Công ty thực hiện các thủ tục để đưa vào thị trường giao dịch chứng khoán trong vòng 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt

Không có.

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán:

Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 08/01/2021 về việc phát hành thêm 71.300.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá phát hành là 25.000 đồng/cổ phần, tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 1.782.500.000.000 đồng sẽ được sử dụng cho các mục đích sau đây:

STT	Phương án sử dụng vốn	Chi phí dự kiến (đồng)
1	Bổ sung vốn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch	250.000.000.000
2	Bổ sung vốn cho Dự án xây dựng, cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	73.500.000.000
3	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh nông sản, các loại hạt... Trong đó:	1.459.000.000.000
	- <i>Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	948.000.000.000
	- <i>Kinh doanh điều</i>	511.000.000.000
	TỔNG CỘNG	1.782.500.000.000

2. Phương án khả thi, thông tin về tình hình triển khai dự án

a) Bổ sung vốn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch

❖ Hồ sơ pháp lý của Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch:

- Ngày 04/7/2018, Sở Quy hoạch và Kiến trúc Thành phố Hà Nội có văn bản số 3971/QHKT-TMB-PAKT(KHTH) về việc chấp thuận bản vẽ tổng mặt bằng và phương án kiến trúc Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 24/8/2018, Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng - Bộ Xây dựng có Thông báo số 476/HĐXD-QLKT thông báo kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 02/10/2018, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5252/QĐ-UBND về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 17/12/2018, Cục Quản lý Hoạt động Xây dựng - Bộ Xây dựng có Thông báo số 783/HĐXD-QLKT thông báo kết quả thẩm định thiết kế kỹ thuật Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



- Ngày 01/02/2019, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 648/QĐ-UBND về việc cho Tổng Công ty Rau quả, nông sản – Công ty cổ phần chuyên mục đích sử dụng 1.804 m² đất tại số 02 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa để thực hiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp.
- Ngày 29/03/2019, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1512/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 27/11/2019, UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6825/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá đất của Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Ngày 17/01/2020, Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội cấp Giấy phép xây dựng số 02/GPXD cho Tổng công ty được phép xây dựng công trình Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch.
- Ngày 25/02/2020, Sở Tài nguyên Môi trường Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CV 223255.

❖ Vị trí, quy mô dự án

- Vị trí khu đất: Số 2 phố Phạm Ngọc Thạch, phường Kim Liên, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- Quy mô dự án: Dự án đầu tư xây dựng trên khu đất có diện tích 1.804 m², diện tích xây dựng khoảng 1.353m², gồm 01 khối công trình cao 24 tầng nổi và 05 tầng hầm để xe. Tổng diện tích sàn xây dựng nổi khoảng 25.343m², diện tích sàn tầng hầm khoảng 8.630m². Tầng 1÷3 bố trí sảnh, nhà trẻ, dịch vụ thương mại, văn phòng và sinh hoạt cộng đồng; tầng 4÷24 bố trí căn hộ, tổng số căn hộ: 198 căn.

❖ Tổng mức đầu tư dự kiến, cơ cấu sử dụng vốn

- Tổng mức đầu tư dự kiến (đã bao gồm lãi vay trong thời gian xây dựng): 996.599.587.000 đồng. Bao gồm:

<i>Đơn vị tính: 1.000 đồng</i>				
STT	Khoản mục	Thành tiền trước thuế	Thuế GTGT	Thành tiền sau thuế
1	Chi phí xây dựng + thiết bị	540.934.539	54.093.454	595.027.993
	Chuẩn bị mặt bằng	1.416.229	141.623	1.557.852
	Chi phí xây dựng + thiết bị công trình	539.518.310	53.951.831	593.470.141
*	Phân bổ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị			
	- Chi phí xây dựng	468.990.245	46.899.025	515.889.270



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



	- Chi phí thiết bị	71.944.294	7.194.429	79.138.723
2	Chi phí đất	164.761.899		164.761.899
3	Chi phí quản lý Dự án	7.666.555	766.656	8.433.211
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	17.726.126	1.772.613	19.498.739
5	Chi phí khác	20.628.349	1.974.272	22.602.621
6	Chi phí dự phòng	75.171.747	7.517.175	82.688.922
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ (TRƯỚC LÃI VAY)	826.889.215	66.124.168	893.013.384
	Lãi vay trong thời gian xây dựng	73.586.203		73.586.203
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ GỒM LÃI VAY	900.475.419	66.124.168	966.599.587

- Cơ cấu sử dụng vốn dự kiến:

<i>Đơn vị tính: 1.000 đồng</i>		
	Tỷ trọng	Giá trị
Vốn chủ sở hữu, trong đó:	47%	450.000.000
- Sử dụng vốn chủ sở hữu hiện có		200.000.000
- Huy động vốn từ cổ đông hiện hữu bằng cách phát hành thêm cổ phiếu		250.000.000
Vốn vay	53%	516.599.587
Tổng mức đầu tư	100%	966.599.587

Đối với nguồn vốn chủ sở hữu:

Tính đến 25/02/2021, Tổng công ty đã sử dụng 200 tỷ đồng từ vốn chủ sở hữu hiện có để thực hiện dự án, bao gồm các khoản mục:

+ Tiền sử dụng đất; Tiền nghĩa vụ đầu tư nhà ở xã hội: 164,8 tỷ đồng

+ Tiền đặt cọc, ký quỹ và thanh toán thiết kế, giám sát: 35,2 tỷ đồng

Đối với phần tiền còn lại (250 tỷ đồng), Hội đồng quản trị Tổng công ty đã lên kế hoạch huy động vốn từ cổ đông hiện hữu bằng cách phát hành thêm cổ phiếu, để sử dụng cho Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch giai đoạn năm 2021 - 2022. Kế hoạch này của Hội đồng quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



08/01/2021.

Đối với nguồn vốn vay:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) là đơn vị cấp tín dụng cho Tổng công ty để thực hiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch, với tổng số tiền cấp tín dụng tối đa cho Dự án là 1.430 tỷ đồng.

Tính đến 25/02/2021, tổng số tiền được Vietcombank giải ngân cho Dự án là 83.956.597.941 đồng. Toàn bộ số tiền nêu trên được sử dụng để chi trả cho các nhà thầu.

❖ Hiệu quả dự án

DOANH THU DỰ ÁN ĐẾN NĂM 2025

(Dự án bắt đầu kinh doanh từ năm 2023)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Khoản mục	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1	Tổng doanh thu	1.259.985	15.937	15.937
2	Tổng chi phí	918.998	6.696	6.696
3	Lãi gộp	421.177	13.994	13.994
4	Lợi nhuận trước thuế	340.987	9.241	9.241
5	Thuế TNDN 20%	1.551	1.848	1.848
6	Lợi nhuận sau thuế	339.436	7.393	7.393

Chỉ số tài chính của dự án

Đơn vị: nghìn đồng

Tỷ suất chiết khấu	12%
NPV =	309.852.931
IRR =	17,5%
Thời gian hoàn vốn (có chiết khấu)	5 năm

❖ Tiến độ thi công dự án:

Về tình hình thi công dự án tính đến 31/12/2020:

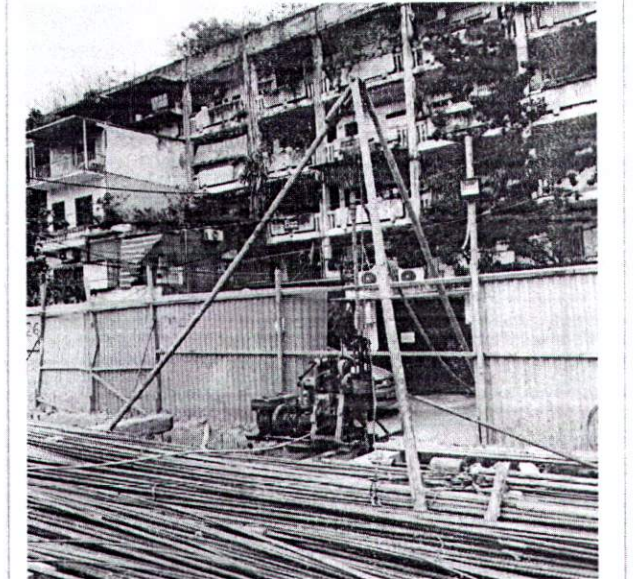
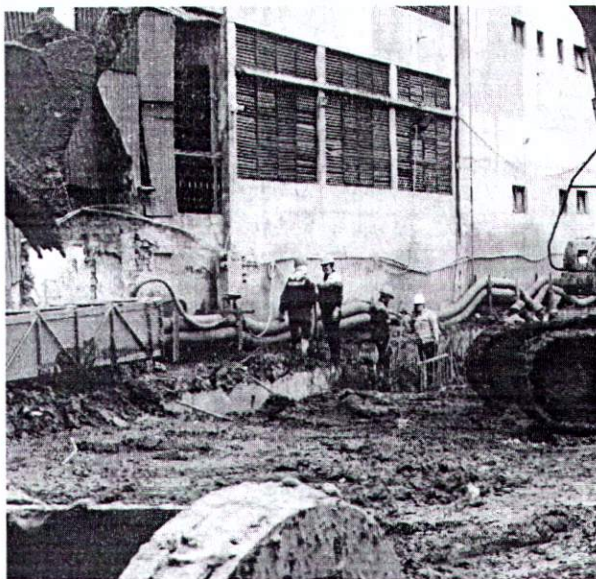
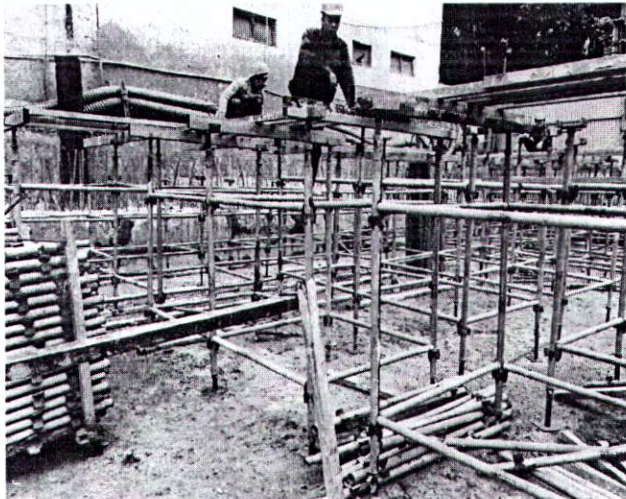
- Đã ký hợp đồng với nhà thầu thi công cọc đại trà tường vây, móng, ngầm, thân, thô.
- Đã hoàn thành thi công hạng mục hàng rào, cổng ra vào.
- Đã hoàn thành thi công hạng mục trạm biến áp phục vụ thi công 220KVA 22/0,4KV

- Đã hoàn thành hạng mục tường vây (Chiều dài 158,83m)
- Đã hoàn thành hạng mục cọc khoan nhồi (54 cọc)
 - o Cọc đường kính 1200mm: 22 cọc
 - o Cọc đường kính 1500mm: 32 cọc
- Đang thi công dầm đỉnh và sàn tầng 1.

Về kế hoạch 2021-2022:

- Hoàn thành thi công phần móng, ngầm (5 tầng hầm) trong tháng 06/2021
- Hoàn thành thi công phần thân thô trong tháng 01/2022
- Hoàn thành thi công hoàn thiện trong tháng 10/2022
- Hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng trong tháng 12/2022

Một số hình ảnh Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch





BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



b) Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

❖ **Hồ sơ pháp lý của Dự án:**

- Ngày 06/5/2008, UBND quận Hoàn Kiếm cấp Giấy phép xây dựng số 128/GPXD cho Tổng công ty Rau quả, nông sản, theo đó cải tạo nhà 6 tầng có sẵn thành công trình khách sạn với quy mô 07 tầng.
- Ngày 17/8/2009, UBND quận Hoàn Kiếm có văn bản số 192/UBND-QLĐT về việc gia hạn Giấy phép xây dựng 128/GPXD đã cấp ngày 06/5/2008.
- Ngày 18/8/2009, Tổng Công ty Rau quả, nông sản có Thông báo khởi công công trình theo Giấy phép xây dựng 128/GPXD đã cấp ngày 06/5/2008.
- Ngày 15/11/2018, Sở Xây dựng Hà Nội có văn bản số 10802/SXD-CP, theo đó Sở Xây dựng có ý kiến: Chủ đầu tư đã khởi công xây dựng công trình trong thời hạn Giấy phép xây dựng số 128/GPXD và văn bản số 192/UBND-QLĐT ngày 17/8/2009 của quận Hoàn Kiếm theo đúng quy định pháp luật, chủ đầu tư có trách nhiệm hoàn thành công trình theo nội dung Giấy phép xây dựng đã được cấp.
- Ngày 26/2/2020, Công an Thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận về thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy số 152/TD-PCCC-D5.
- Ngày 11/08/2020, Dự án đã hoàn thành đăng ký biến động Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AĐ692357.

❖ **Vị trí, quy mô khu đất**

- Vị trí khu đất: Số 58 phố Lý Thái Tổ, Phường Tràng Tiền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.
- Quy mô diện tích đất: 404 m². Diện tích xây dựng 360 m², tầng cao 7 tầng (cải tạo 6 tầng nhà có sẵn và xây coi tầng 7 theo Giấy phép xây dựng đã cấp)

❖ **Tổng mức đầu tư, cơ cấu sử dụng vốn**

- Tổng mức đầu tư dự kiến: 93.035.746.000 đồng (đã bao gồm VAT). Bao gồm:

Đơn vị: nghìn đồng

STT	NỘI DUNG	THÀNH TIỀN	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
I	Chi phí đầu tư xdcb	44.678.782	4.160.102	48.838.885
1	Chuẩn bị mặt bằng	-	-	-
2	CP XD CB DD và GTCL TSCĐ trên đất cũ	3.077.761		3.077.761
3	Công trình			
	<i>Trong đó:</i>			



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



STT	NỘI DUNG	THÀNH TIỀN	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ
	- Công tác đất móng	12.011.367	1.201.137	13.212.504
	- Kết cấu			
	- Hoàn thiện			
	- Trang thiết bị	11.325.054	1.132.505	12.457.559
	- Hệ thống cơ điện	18.264.601	1.826.460	20.091.061
II	Chi phí đất	12.542.175	-	12.542.175
	Chi phí thuê đất	12.542.175	-	12.542.175
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	11.239.532	1.123.953	12.363.485
1	Chi phí quản lý dự án	1.134.331	113.433	1.247.764
2	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	4.910.447	491.045	
3	Chi phí khác	5.194.755	519.476	5.714.231
IV	Chi phí tiền khai trương	1.742.900	174.290	1.917.190
V	Chi phí OS&E	9.555.000	955.500	10.510.500
VI	Chi phí dự phòng	6.239.555	623.956	6.863.511
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ DỰ KIẾN (*)	85.997.945	7.037.801	93.035.746

- Cơ cấu sử dụng vốn dự kiến: sử dụng vốn chủ sở hữu 100% (không vay nợ). Trong đó:

+ Sử dụng từ vốn chủ sở hữu hiện có: 19.535.746.000 đồng

+ Huy động vốn từ cổ đông hiện hữu bằng cách phát hành thêm cổ phiếu: 73.500.000.000 đồng

Tính đến 25/02/2021, Tổng công ty đã sử dụng 19.535.746.000 đồng từ vốn chủ sở hữu hiện có để thực hiện dự án, bao gồm các khoản mục:

+ Tiền thuê đất hàng năm trả tiền 01 lần: 12,5 tỷ đồng

+ Tiền thanh toán các hợp đồng như thi công phá dỡ, tư vấn thiết kế...: 7.035.746.000 đồng

Đối với phần tiền còn lại (73,5 tỷ đồng), Hội đồng quản trị Tổng công ty đã lên kế hoạch huy động vốn từ cổ đông hiện hữu bằng cách phát hành thêm cổ phiếu, để sử dụng cho Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội. Kế hoạch này của Hội đồng quản trị công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2021/NQ-DHĐCĐ ngày 08/01/2021.

❖ Hiệu quả dự án

DOANH THU DỰ ÁN ĐẾN NĂM 2025
(Dự án dự kiến bắt đầu kinh doanh từ năm 2022)

Đơn vị tính: nghìn đồng

HẠNG MỤC	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
DOANH THU	13.046.244	89.831.562	98.317.350	98.317.350
Cho thuê	13.046.244	89.831.562	98.317.350	98.317.350
CHI PHÍ VẬN HÀNH	10.584.221	71.928.218	78.513.628	78.513.628
CHI PHÍ KHẤU HAO	8.076.012	8.076.012	8.076.012	4.891.012
- Khấu hao OS&E	3.185.000	3.185.000	3.185.000	
- Khấu hao XDCB	4.891.012	4.891.012	4.891.012	4.891.012
CHI PHÍ DUY TU SỬA CHỮA LỚN (5% Nguyên giá)	0	0	0	0
CHI PHÍ LÃI VAY	0	0	0	0
LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	(5.613.990)	9.827.331	11.727.709	14.912.709
Thuế TNDN	0	1.965.466	2.345.542	2.982.542
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	(5.613.990)	7.861.865	9.382.167	11.930.167

Chỉ số tài chính của dự án

Đơn vị: nghìn đồng

NPV =	68.626.803
IRR =	16,3%
Thời gian hoàn vốn	7 năm

❖ Tình hình triển khai thi công dự án:

Về tình hình thi công dự án đến 31/12/2020:

- Đã hoàn thành công tác chọn nhà thầu thi công gói thầu: Thi công xây dựng, phá dỡ, cải tạo phần thô, xây, trát, kết cấu mái phần thô, xây, trát, kết cấu mái (Công ty cổ phần Đầu tư và xây dựng UDIC).
- Đã hoàn thành công tác chọn nhà thầu thi công gói thầu: tư vấn giám sát thi công xây dựng và

lắp đặt thiết bị toàn bộ công trình (Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam).

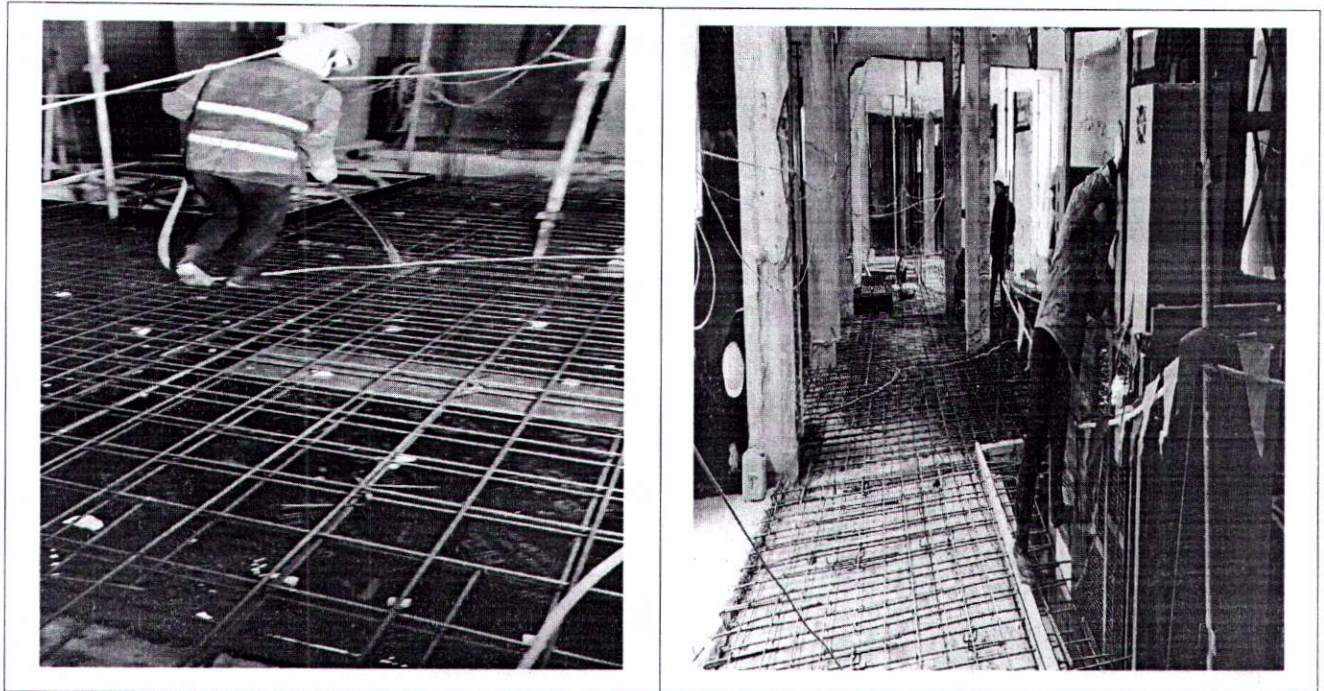
- Đã hoàn thành công tác chọn nhà thầu thi công gói thầu: cung cấp vật tư và thi công phòng chống mối (Chi nhánh công ty cổ phần khử trùng Việt Nam tại phía Bắc).
- Đã hoàn thành công tác chọn nhà thầu thi công gói thầu: bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng (Liên doanh Tổng công ty Bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội và Tổng công ty cổ phần Bảo hiểm Hàng không).
- Đã hoàn thành công tác chọn nhà thầu thi công gói thầu: cung cấp dịch vụ bảo vệ công trình (Công ty cổ phần Dịch vụ bảo vệ an ninh Toàn cầu).
- Hiện tại dự án đã hoàn thành phần công tác phá dỡ và thực hiện đổ được 3 sàn tầng 2,3,4.

Về kế hoạch 2021 (các mốc chính):

- Hoàn thành thi công phần thô trong tháng 3/2021.
- Hoàn thành thi công hoàn thiện trong tháng 5/2021.
- Hoàn thành thi công cơ điện và lắp đặt thiết bị trong tháng 6/2021.
- Hoàn thành thi công lắp đặt nội thất trong tháng 7/2021.
- Vận hành chạy thử trong tháng 7/2021.
- Nghiệm thu bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong tháng 8/2021.

Một số hình ảnh Dự án cải tạo Khách sạn VEGETEXCO tại 58 Lý Thái Tổ





c) Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh nông sản, các loại hạt...

❖ Phương án kinh doanh nguyên liệu sản xuất Thức ăn chăn nuôi

- Hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH nông nghiệp T&T, phát triển nhập khẩu và phân phối ngành hàng nông sản mới là kinh doanh sản phẩm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi nhập khẩu bao gồm: Ngô, Khô đậu, Lúa mì nguồn nhập khẩu.
- Trở thành đơn vị có uy tín trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, duy trì thị phần theo từng nhóm ngành hàng ngô, khô đậu, lúa mì
- Chọn lọc, đánh giá hệ thống nhà cung cấp để lựa chọn nhà cung cấp có năng lực tốt nhất (tiền độ, chất lượng, giá cả, phương thức thanh toán, khả năng đáp ứng).
- Nghiên cứu và tìm kiếm thêm các sản phẩm nông sản nước ngoài có lợi thế và Việt nam có nhu cầu.
- Nghiên cứu, tìm kiếm đối tác cung ứng đối với các ngành hàng nông sản Việt Nam có lợi thế xuất khẩu.
- Dàn thiết lập hệ thống kênh phân phối trực tiếp thức ăn chăn nuôi cho các Nhà máy và các khách hàng thương mại.
- Xác định đơn vị hợp tác kinh doanh với dự kiến Thị phần kênh hợp tác chiếm 98%, kênh trực tiếp chiếm 2% trong cơ cấu doanh thu. Nghiên cứu và tìm kiếm thêm các sản phẩm nông sản nước ngoài có lợi thế và Việt Nam có nhu cầu. Nghiên cứu, tìm kiếm đối tác cung ứng đối với các ngành hàng nông sản Việt Nam có lợi thế xuất khẩu.

Hệ thống khách hàng cung ứng đầu vào

Hiện tại, Công ty TNHH nông nghiệp T&T là một trong những nhà nhập khẩu lớn của Việt Nam trong lĩnh vực Nông Sản.

STT	Danh mục	Nhu cầu toàn Miền Bắc	Tỉ trọng T&T nhập khẩu
1	Ngô	3,5 triệu tấn	Xấp xỉ 21%



2	Khô đậu tương	1,56 triệu tấn	Xấp xỉ 11,1%
3	Lúa mì	0,43 triệu tấn	Xấp xỉ 0.1%

Tổng công ty Rau quả, nông sản - công ty cổ phần dự kiến hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH Nông nghiệp T&T vì Công ty Nông nghiệp đang hợp tác với các đối tác lớn của Thế giới (Tập đoàn Marubeni Nhật Bản, CHS – Mỹ, ITOCHU – Nhật Bản, Midstar – Singapore, ECTP, Peter Creamer – Singapore....) nguồn cung ổn định và có uy tín trên thị trường Nông Sản. Các nhà cung cấp (theo số liệu của Agromonitor) đều thuộc TOP 20 doanh nghiệp trong ngành Nông Sản xuất khẩu vào Việt Nam. Nguồn gốc Nông sản đều được nhập từ các nước Nam Mỹ như Brazil, Argentina.....

Hệ thống khách hàng đầu ra

STT	Tên đơn vị
1	Công ty CP Tập đoàn Tân Long
2	Công ty CP Hum
3	Công ty CP XNK Cao Thăng
4	Công ty CP Thăng Hoa
5	Công ty CP Nông nghiệp BAF Việt Nam
6	Công ty TNHH Thương Mại Hoàng Gia

Dự kiến sản lượng và doanh thu

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)
Mảng kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi										
- Ngô hạt	410	2.220	430	2.442	452	2.686	474	2.955	498	3.250
- Khô dầu đậu tương	93	720	98	792	103	871	108	958	113	1.054



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



Tổng doanh thu	503	2.940	528	3.234	555	3.557	582	3.913	611	4.304
----------------	-----	-------	-----	-------	-----	-------	-----	-------	-----	-------

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)
Giá vốn bán mảng kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	503	2.775	528	3.040	555	3.337	582	3.662	611	4.018
Tổng giá vốn hàng bán	503	2.775	528	3.040	555	3.337	582	3.662	611	4.018

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (Ng. tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)
LN gộp mảng kinh doanh nguyên liệu thức ăn chăn nuôi	503	165	528	194	555	220	582	251	611	286
Tổng LN gộp	503	165	528	194	555	220	582	251	611	286
Tỉ suất LN gộp		5,6%		6,0%		6,2%		6,4%		6,7%

Dự kiến nhu cầu vốn lưu động

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	2.940	3.234	3.557	3.913	4.304
Tổng giá vốn (Tỷ đồng)	2.775	3.040	3.337	3.662	4.018
Nhu cầu vốn lưu động (Tỷ đồng)	948	1.033	1.137	1.256	1.395

❖ **Phương án kinh doanh hạt giống rau**

- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm F1: Hiện tại cơ cấu sản phẩm mà Tổng công ty đang triển khai bán như bảng trên tương đối kém đa dạng và chưa đáp ứng đủ nhu cầu của thị trường vì vậy năm 2021 Tổng công ty có kế hoạch triển khai đàm phán mua giống F1 để chuẩn bị kinh doanh cho năm 2021 trong thời gian sớm nhất: bắt đầu vụ thu đông 2021.
- Giải pháp về đại lý:

Khu Vực	Tỉnh	Số lượng đại lý mở mới theo khu vực	Doanh số mở mới theo khu vực (triệu đồng)
Nhân viên kinh doanh 1: Đồng bằng sông Hồng, miền núi phía Bắc, Tây Nguyên	Buôn Ma Thuột	3	15
	Bắc Ninh	3	40
	Hà Nam	3	40
	Hải Phòng	3	10
Tổng cộng KV1		12	105
	Nam Định	3	40
	Ninh Bình	3	10
	Thái Bình	2	30
Tổng cộng KV2		8	80
	Điện Biên	3	30
	Hà Giang	3	20
	Hòa Bình	3	30
	Phú Thọ	3	35
Tổng cộng KV3		12	115
Tổng 3 KV		32	300

Dự kiến doanh thu và sản lượng

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Kinh doanh hạt giống	42.000	46.200	50.820	55.902	61.492



rau và Dự trữ quốc gia					
Kinh doanh rau và Thực phẩm an toàn	4.120	4.532	4.985	5.484	6.032
Kinh doanh hoa và cây cảnh	2.539	2.793	3.072	3.379	3.717
Tổng doanh thu	48.659	53.525	58.877	64.765	71.242

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Giá vốn bán hàng	34.149	37.564	41.320	45.452	49.997
Tổng giá vốn bán hàng	34.149	37.564	41.320	45.452	49.997

Chỉ tiêu (Triệu đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
LN gộp	14.510	15.961	17.557	19.313	21.245
Tổng LN gộp	14.510	15.961	17.557	19.313	21.245
Tỉ suất LN gộp	29,8%	29,8%	29,8%	29,8%	29,8%

❖ **Phương án kinh doanh điều**

- Xây dựng thương hiệu, phát triển thương hiệu riêng cho từng ngành hàng: điều nhân, điều chế biến
- Xây dựng hệ thống phân phối
 - Đẩy mạnh phân phối qua các Nhà phân phối, đại lý..
 - Tuyển dụng, đào tạo đội ngũ nhân viên bán hàng năng động
 - Xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp, hiệu quả
 - Thúc đẩy các hoạt động xúc tiến bán hàng, trade marketing
- Thúc đẩy hoạt động XNK
 - Đẩy mạnh xúc tiến quảng bá quốc tế
 - Xúc tiến bán hàng quốc tế qua các sàn thương mại điện tử (Alibaba, Amazon, Trade key)
 - Tham gia các hội chợ chuyên ngành như:
 - ✓ Foodexpo tại SECC
 - ✓ Hội chợ Gulfood tại Dubai / Hội nghị hạt Quốc tế INC/ Hội nghị Điều WCC

Danh sách nhà cung cấp lớn của VEGETEXCO



STT	Tên khách hàng
1	Noble Star International - Bờ Biển Ngà
2	HPJ EXIM PRIVATE LIMITED - Nigeria
3	AST Enterprices - Dubai
4	PAJSON TRADING DMCC - Nigeria
5	N4B CONSULT LIMITED - Nigeria
6	AFCOM TRADING DMCC - Tanzania
7	Agrinut - Bờ Biển Ngà
8	Withal - Singapore
9	SIDEVAG - Bờ Biển Ngà
10	GOMES & GOMES - Guinea Bissau
11	GIE-GEPPA - Bờ Biển Ngà
12	AGRIGUINE SARL - Guinea Bissau

Hệ thống khách hàng đầu ra của VEGETEXCO

STT	Tên khách hàng
1	Cty TNHH TM XNK Tam nguồn Long Châu
2	Cetecom sa – Thụy Sỹ
3	Barrow Lane
4	Fine things business & industry Ltd
5	Scalzo Food Industries
6	Moshe Mussafi
7	J.F.Braun & Son
8	Tập đoàn International Olam
9	JIAN SHI INTERNATIONAL – Trung Quốc



BẢN CÁO BẠCH CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG



STT	Tên khách hàng
10	SYMBOL FOOD PTE. LTD
11	Heinrich
12	FRUITIMPEX LLC

Dự kiến doanh thu và sản lượng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024		Năm 2025	
	SL (tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)	SL (tấn)	Trị giá (Tỷ đồng)
Mảng kinh doanh hạt Điều nhân										
- Điều ăn liền nội địa	281	14	295	15	309	16	323	17	337	19
- Điều nhân xuất khẩu	5.609	900	6.137	1.044	6.987	1.260	8.273	1.566	10.185	2.023
Mảng kinh doanh điều nguyên liệu										
- Điều NL	15.000	416	16.500	485	18.975	592	22.770	745	28.463	977
- Bán vỏ điều	3.276	7	3.440	7	3.604	8	3.767	9	3.931	10
Tổng doanh thu	24.165	1.336	26.371	1.552	29.874	1.876	35.133	2.337	42.916	3.028

Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Chi thanh toán mua nguyên liệu nhập khẩu	494	564	669	818	1.035
Chi mua nhân điều	724	835	1.012	1.272	1.661
Chi trả chi phí sản xuất	10	11	12	13	15
Tổng giá vốn bán hàng	1.228	1.410	1.693	2.103	2.711



Chỉ tiêu (Tỷ đồng)	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
LN gộp	109	141	183	234	318
Tổng LN gộp	109	141	183	234	318
Tỉ suất LN gộp	8,1%	9,1%	9,7%	10,0%	10,5%

Dự kiến nhu cầu vốn lưu động:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
Tổng doanh thu (Tỷ đồng)	1.336	1.552	1.876	2.337	3.028
Tổng giá vốn (Tỷ đồng)	1.228	1.410	1.693	2.103	2.711
Nhu cầu vốn lưu động (Tỷ đồng)	511	538	574	617	664

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Căn cứ vào tình hình thực tế hiện nay của VEGETEXCO, số tiền thu được từ đợt phát hành dự kiến được sử dụng như sau:

Đơn vị: đồng

STT	Phương án sử dụng vốn	Số tiền sử dụng (đồng)	Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Bổ sung vốn cho việc xây dựng và hoàn thiện Dự án Tòa nhà hỗn hợp số 2 Phạm Ngọc Thạch	250.000.000.000	70%	Năm 2021
2	Bổ sung vốn cho Dự án cải tạo Khách sạn Vegetexco tại số 58 Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội	73.500.000.000	70%	Năm 2021
3	Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh nông sản, các loại hạt... Trong đó:	1.459.000.000.000	70%	Năm 2021
	- <i>Kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi</i>	<i>948.000.000.000</i>	<i>70%</i>	<i>Năm 2021</i>
	- <i>Kinh doanh điều</i>	<i>511.000.000.000</i>	<i>70%</i>	<i>Năm 2021</i>
	TỔNG CỘNG	1.782.500.000.000		

Phương án xử lý trong trường hợp chào bán không thu đủ số tiền tối thiểu như dự kiến:

Trường hợp chào bán không thu đủ số tiền như dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện huy động từ các nguồn khác như vay ngân hàng, vay cá nhân, vay các tổ chức khác hoặc sử dụng linh hoạt vốn lưu động hiện có,.... để sử dụng cho các mục đích nêu trên.



X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC CHÀO BÁN

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM



Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc văn phòng VG Building, Số 235 Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 37832121

Fax: +84 24 7832122

Website: <http://www.cpavietnam.vn>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI



Địa chỉ: Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Số 41 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 04. 3818 1888

Fax: 04. 3818 1688

Biên cơ hội thành giá trị Website: <http://www.shs.com.vn>

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

CTCP ĐỊNH GIÁ VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH VIỆT NAM VVFC



Địa chỉ: Số 03 Thụy Khuê, Phường Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Tp. Hà Nội

Điện thoại: 024. 3843 2171

Fax: 024. 3847 2271

Website: <http://www.vvfc.vn>

Ý kiến của tổ chức tư vấn đối với đợt chào bán:

Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội (SHS) đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá về đợt chào bán:

Nguồn vốn thu được từ đợt chào bán lần này sẽ được sử dụng để đầu tư cho 2 dự án bất động sản và bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Khối lượng chào bán đợt này khá lớn với 71.300.000 cổ phiếu, tương ứng 100% vốn điều lệ hiện tại của Công ty, tuy nhiên nguồn vốn này chủ yếu phát hành cho cổ đông hiện hữu, là các cổ đông đã biểu quyết thông qua phương án phát hành tại Đại hội đồng cổ đông bất thường nên tổ chức tư vấn đánh giá cơ hội thành công của đợt phát hành này là rất lớn.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có

XII. PHỤ LỤC

Phụ lục 1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Phụ lục 2. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị

Phụ lục 3. Điều lệ Công ty

Phụ lục 4. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019, 2020

Các phụ lục khác




Hà Nội, ngày 25 tháng 2 năm 2021

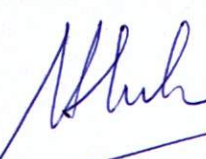
**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
TỔNG CÔNG TY RAU QUẢ, NÔNG SẢN – CÔNG TY CỔ PHẦN**

CHỦ TỊCH HĐQT


MAI XUÂN SƠN



TỔNG GIÁM ĐỐC

LÊ ANH DŨNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ LINH

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN – HÀ NỘI**

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ THU THANH

